



# Báo cáo

## Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng Xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa , Tỉnh Thanh Hóa

**Tháng 12 năm 2018**

## MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	
<b>Error! Bookmark not defined.</b>	
1. Vị trí địa lý.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2. Đặc điểm địa hình.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
5. Phân bố dân cư, dân số.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	
<b>Error! Bookmark not defined.</b>	
1. Lịch sử thiên tai.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4. Đối tượng dễ bị tổn thương.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
5. Hạ tầng công cộng.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
a) Điện	<b>Error!</b>
<b>Bookmark not defined.</b>	
b) Đường và cầu cống	<b>Error!</b>
<b>Bookmark not defined.</b>	
c) Trường	<b>Error!</b>
<b>Bookmark not defined.</b>	
d) Cơ sở Y tế	<b>Error!</b>
<b>Bookmark not defined.</b>	
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	<b>Error!</b>
<b>Bookmark not defined.</b>	
f) Chợ	<b>Error!</b>
<b>Bookmark not defined.</b>	
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè).....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
7. Nhà ở.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) ..... <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	4
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	19
2. Hạ tầng công cộng.....	21
3. Công trình thủy lợi.....	23
4. Nhà ở.....	24
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	19
6. Y tế và quản lý dịch bệnh.....	28
7. Giáo dục.....	30
8. Rừng.....	31
9. Trồng trọt.....	31
10. Chăn nuôi.....	34
11. Thủy Sản.....	36
12. Du lịch.....	37
13. Buôn bán và dịch vụ khác.....	37
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	38
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	40
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	41
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	42
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH.....	42
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	44
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã.....	47
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã.....	47
E. Phụ lục	48
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	48
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn..... <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

## A. Giới thiệu chung

*Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.*

*Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.*

*Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).*

*Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)*

### 1. Vị trí địa lý

Hoàng Đông là xã đồng bằng ven biển của huyện Hoàng Hoá, cách thị trấn huyện lỵ 9 km và cách thành phố Thanh Hóa 24 km về phía Đông Nam. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 433.49 ha, trong đó: đất nông nghiệp là: 317.23ha, đất phi nông nghiệp: 116,26 ha. Toàn xã có 1.273 hộ gia đình, với 5.112 khẩu, phân bố tại 05 thôn. Đảng bộ có 178 đảng viên, bao gồm: 14 Chi bộ trực thuộc.

Về vị trí địa lý: Phía Bắc giáp xã Hoàng Ngọc, Phía Nam giáp xã Hoàng Phụ; Phía Đông giáp xã Hoàng Thanh và Hoàng Phụ; Phía Tây giáp xã Hoàng Lưu và Hoàng Phong. Ngành nghề chính của địa phương là sản xuất nông nghiệp

### 2. Đặc điểm địa hình

Hoàng Đông là xã đồng bằng có địa hình tương đối bằng phẳng nên rất thuận tiện cho việc canh tác lúa nước và các loại cây rau màu khác; Xã Hoàng Đông nằm trong vùng khí hậu ven biển của tỉnh Thanh hoá và được chia làm bốn mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình 1 tháng khoảng 17-18<sup>0</sup> C, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối không dưới 5<sup>0</sup> C, nhiệt độ cao nhất tuyệt đối chưa quá 40<sup>0</sup> C. Tổng lượng mưa trung bình hàng năm từ 1600 mm đến 1900 mm, nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu từ tháng 6 đến tháng 10 với 75% tổng lượng mưa, những tháng còn lại ít mưa, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng mưa, đặc biệt là tháng 11, 12 lượng mưa rất thấp. Độ ẩm trung bình 84-85%, tháng 2, 3 có độ ẩm không khí cao nhất 95%, thích hợp cho các loại dịch bệnh phát triển ở người, gia súc và các loại cây trồng, tháng 5, 6 độ ẩm không khí thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phơi màu, thụ phấn cho cây trồng, nhất là lúa, ngô làm cho năng suất thấp, kém chất lượng.

Hàng năm ở xã chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính: gió mùa Đông bắc và gió Đông nam, tốc độ gió trung bình 1,8-2,2 m/s. Ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng rải rác vào các tháng 3- tháng 5. Bão thường xuất hiện từ tháng 7- tháng 10 kèm theo mưa lớn.

### 3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

STT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C			Tăng 2,1°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C		6 – 8	Tăng thêm khoảng 2,0 - 2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C		11 – 12 và tháng 1 năm sau	Giảm khoảng 2,0-2,4°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm		Phân bố không đồng đều trong năm (bắt đầu từ tháng 7 kéo dài đến tháng 12, nhưng chủ yếu tập trung vào tháng 7 và tháng 8).	Tăng thêm khoảng 20 mm

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

### 4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	1,43% diện tích – 1,111,000ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

### 5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ	Số khẩu	Hộ	Hộ cận
----	------	-------	--------------	---------	----	--------

			làm chủ hộ	Tổng	Nữ	Nam	nghèo	nghèo
1	Lê Lợi	277	25	1170	594	576	10	55
2	Lê Giang	331	47	1419	788	631	11	86
3	Phú Xuân	235	36	666	339	327	11	59
4	Đông Tân	229	26	943	489	454	8	54
5	Quang Trung	201	28	914	462	452	9	47
<b>Tổng số</b>		<b>1273</b>	<b>162</b>	<b>5112</b>	<b>2672</b>	<b>2440</b>	<b>49</b>	<b>301</b>

*Ghi chú: Trước đây là 11 thôn (từ thôn 1 đến thôn 11), hiện nay nhập lại còn 05 thôn (thôn 7;8;11 nhập lại thành thôn Lê Giang, thôn 1, thôn 2 nhập lại thành thôn Quang Trung, thôn 3, 4 và 1 phần thôn 5 thành thôn Đông Tân, thôn 6 và 1 phần thôn 5 thành thôn Phú Xuân, thôn 9, 10 thành thôn Lê Lợi. Tổng dân số của xã theo số liệu năm 2018)*

## 6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>433,49</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất Nông nghiệp</b>	<b>315,21</b>
<b>1.1</b>	<b>Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp</b>	206,55
1.1.1	Đất lúa nước	163,73
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	177,2
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	13,29
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	29,53
<b>1.2</b>	<b>Diện tích Đất lâm nghiệp</b>	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
<b>1.3</b>	<b>Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản</b>	<b>105,32</b>
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	50,32
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	55
<b>1.4</b>	<b>Đất làm muối</b>	0
<b>1.5</b>	<b>Diện tích Đất nông nghiệp khác</b> (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa,	3,33

	<i>cây cảnh</i> )	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>117,99</b>
<b>3</b>	<b>Diện tích Đất chưa Sử dụng</b>	<b>0,29</b>
	<b>Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng</b> - Đất nông nghiệp - Đất ở	90 % 65%

*Ghi chú: Đất nông nghiệp mới thực hiện phương án dồn điền đổi thửa năm 2017 nên giao quyền sử dụng đất đứng tên cả 2 vợ chồng. Còn đất ở giấy chứng nhận đã cấp từ trước nên khi có thay đổi mới đứng tên cả vợ và chồng nên tỷ lệ phụ nữ thấp hơn.*

## 7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
<b>I.</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>37%</b>			
1	Trồng lúa và hoa màu	8%	850	1,46 tấn/hộ/năm	75%
2	Chăn nuôi	12%	285	20 triệu/năm	75%
3	Nuôi trồng thủy sản	17%	116	81 triệu/năm	0
<b>II.</b>	<b>Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp</b>	<b>31%</b>	381	62 triệu/hộ/năm	15%
<b>III</b>	<b>Thương mại – dịch vụ</b>	<b>32%</b>	105	50 triệu/hộ/năm	70%

*Ghi chú: Tỷ trọng trồng lúa chiếm tỷ lệ thấp nhưng số hộ tham gia cao là do năng suất lao động thấp, lúa và hoa màu thường xuyên bị mất mùa nên thu nhập của người dân thấp. Hiện nay đang có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tăng tỷ lệ nhóm Thương mại- Dịch vụ và công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, giảm Nông nghiệp.*

## B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

### 1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng
Tháng 8/2007	<b>Lụt, bão</b>	05 thôn	Lê Giang Lê Lợi	1. Số nhà bị thiệt hại:	233
				2. Số km đường bị thiệt hại:	2450 km

			Đông Tân Phú Xuân Quang Trung	3. Số ha ruộng lúa bị thiệt hại:	165ha
				4. Hoa màu bị thiệt hại	42 ha
				5. Đê bị thiệt hại (vỡ đê sông Cung):	710 m
				6. Kênh mương	7 km
				7. Ô nhiễm môi trường	Toàn xã
				8. Gia súc, gia cầm	18.000 con
				9. Trang trại bị thiệt hại	6 trang trại
				10. Cây lâu năm bị thiệt hại	45000 cây
				<b>Ước tính thiệt hại kinh tế :</b>	<b>37 tỷ đồng</b>
6,7/2010	<b>Hạn Hán</b>	03 thôn	Lê Giang Đông Tân Phú Xuân	1. lúa mới cấy bị chết:	42 ha
				2. lạc bị thối củ	20,5 km
				3. Gia súc gia cầm bị dịch bệnh chết	16.000 con
				4. Nuôi trồng thủy sản bị mất trắng	42,0 ha
				5. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0 ha
				6. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0 ha
				<b>Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	<b>23,6 tỷ đồng</b>
12/2016	<b>Rét đậm, rét hại</b>	05 thôn	Lê Giang Lê Lợi Đông Tân Phú Xuân Quang Trung	1. Lúa chết	116 ha
				2. Hoa màu bị thiệt hại	56 ha
				3. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	101 ha
				4. Gia súc, gia cầm	30.000 con
				<b>5. Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	<b>41,3 tỷ đồng</b>
Tháng 7,8/2017	<b>Mưa, lũ</b>	05 thôn	Lê Giang Lê Lợi Đông Tân Phú Xuân Quang Trung	1. Số ha ruộng mạ bị thiệt hại:	124 ha
				2. Hoa màu hư hại	42 ha
				3. Kênh mương hư hỏng	3,7km
				4. Nuôi trồng thủy hải sản	105ha
				<b>4. Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	<b>5,570 tỷ đồng</b>

**Ghi chú:** Những năm gần đây thiên tai xảy ra ít hơn, nhưng cường độ mạnh hơn, kéo dài hơn, không theo quy luật nên ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội của người dân.

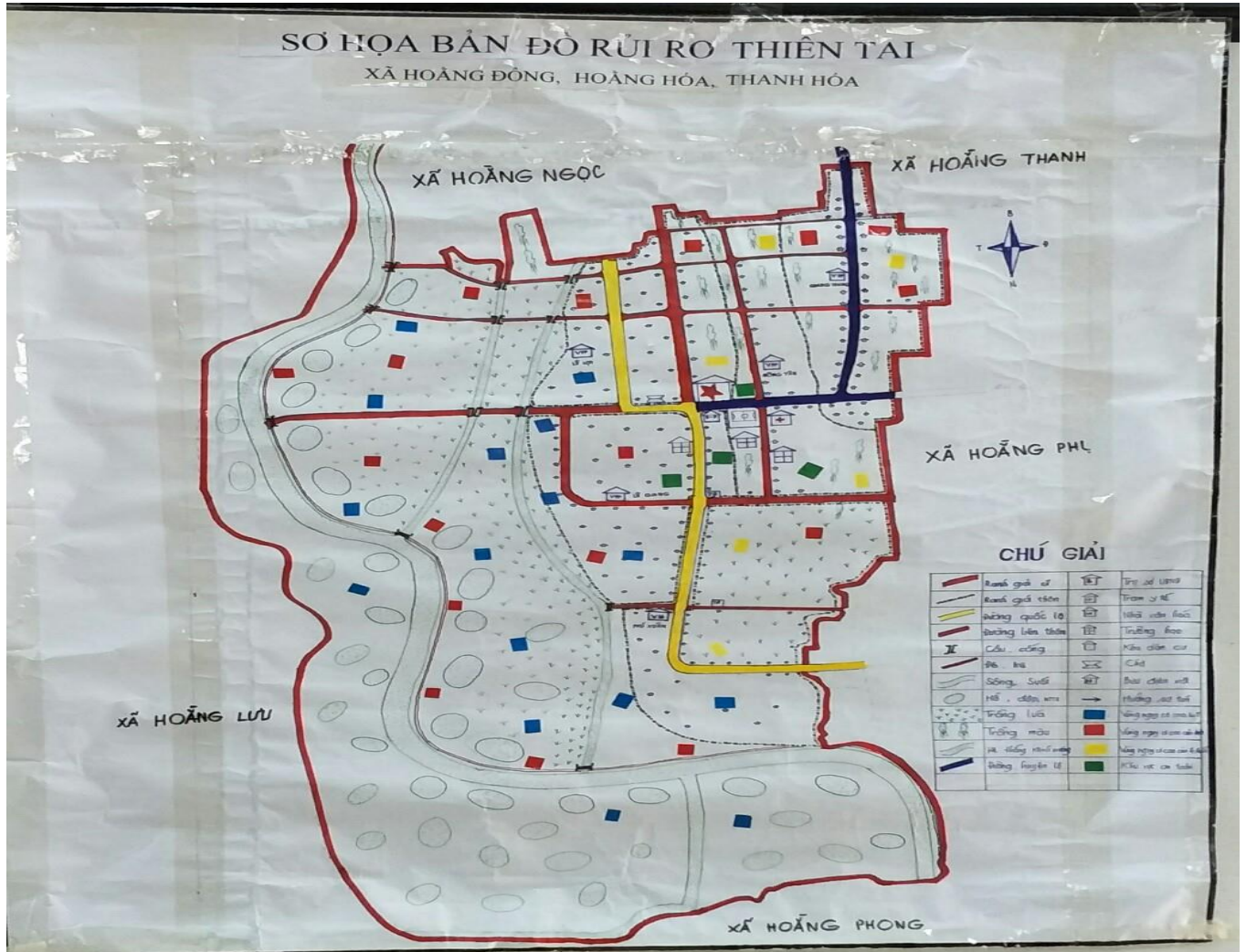


## 2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến <sup>1</sup>	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Phú Xuân; Lê Giang và Lê Lợi	Cao	Tăng	Cao
		Đông Tân và Quang Trung	Trung bình	Tăng	Trung Bình
2	Lũ lụt	Phú Xuân; Lê Giang và Lê Lợi	Cao	Tăng	Cao
		Đông Tân và Quang Trung	Trung bình	Tăng	Trung Bình
3	Hạn Hán	Phú Xuân; Lê Giang và Lê Lợi	Thấp	Tăng	Thấp
		Đông Tân và Quang Trung	Trung bình	Tăng	Trung Bình
4	Rét hại	5/5 thôn	Trung bình	Tăng	Trung Bình
5	Sương	5/5 thôn	Trung bình	Tăng	Trung Bình

<sup>1</sup> Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

### 3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



### 4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương													
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo (hộ)		dân tộc
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	
1	Lê Giang	25	55	20	40	10	55	110	55	95	3	7	4	11	0
2	Lê Lợi	31	65	25	51	11	60	115	45	85	4	6	6	10	0
3	Đông Tân	21	44	27	54	8	55	100	37	79	3	6	3	9	0
4	Quang Trung	24	50	22	45	11	63	121	45	86	4	7	5	8	0
5	Phú Xuân	36	79	35	70	12	73	134	49	90	4	5	2	11	0
	Tổng số	137	293	129	260	52	306	580	231	435	18	31	20	49	0

**Ghi chú:** Người mắc bệnh hiểm nghèo những năm gần đây tăng nhiều hơn, nhất là bệnh ung thư, tim mạch,

tiểu đường, tâm thần...

## 5. Hạ tầng công cộng

### a) Điện

T T	Thôn	Danh Mục	Năm xây dựng	Số lượng	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Lê Giang	Cột điện (cột)	1996-2015	78	23	55
		Dây điện 3 pha (Km)	1996-2015	3	0,9	2,1
		Dây điện 2 pha: (Km)	1996-2015	1,5	0,5	1
		Trạm điện (Trạm)	1996	1	1	0
2	Lê Lợi	Cột điện (cột)	1996-2015	82	24	58
		Dây điện 3 pha (Km)	1996-2015	1,1	0,4	0,7
		Dây điện 2 pha: (Km)	1996-2015	3,6	1,2	2,4
3	Đông Tân	Cột điện (cột)	1996-2015	45	15	30
		Dây điện 3 pha (Km)	1996-2015	1,6	0,6	1
		Dây điện 2 pha: (Km)	1996-2015	3,2	1,2	2
		Trạm điện (Trạm)	2006	1	0	1
		Cột điện (cột)	1996-2004	30	10	20
4	Quang Trung	Dây điện 3 pha (Km)	1996-2015	3,4	1,4	2
		Dây điện 2 pha: (Km)	1996-2015	2,1	0,7	1,4
		Cột điện (cột)	1996-2015	85	25	60
5	Phú Xuân	Cột điện: (Cột)	1996-2015	80	24	56
		Dây điện 3 pha (Km)	1996-2015	3,8	1,8	2
		Đường điện sau công tơ(km)	1996-2015	0.7	0,2	0,5
		Trạm điện (Trạm)	2014	0	1	0

**Ghi chú:** Hệ thống trạm điện, cột điện và dây điện do xây dựng từ năm 1996 (có sửa chữa) nhưng hiện đã xuống cấp trầm trọng. Sẽ mất an toàn khi có bão lũ xảy ra.

### b) Đường và cầu cống

T T	Thôn	Hạng mục	Số lượng	Hiện trạng		
I	Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Quốc lộ đi qua xã	Đường quốc lộ (Km)	0	0	0	0

2	Liên tỉnh đi qua xã	Đường tỉnh/huyện(Km)	3	3	0	0
3	Lê Giang	Đường thôn(Km)	2,06	0	2,06	0
		Đường nội đồng(Km)	0.8	0	0.8	0
4	Lê Lợi	Đường xã: (Km)	1	0	1	0
		Đường thôn	0,73	0	0,73	0
		Đường nội đồng	0.8	0	0.8	0
5	Đông Tân	Đường thôn :	1,15	0	1	0.15
6	Quang Trung	Đường thôn	0,62	0	0,62	0
7	Phú Xuân	Đường thôn	2,42	0	2,42	0
		Đường nội đồng	1.6	0	1.6	0
<b>II</b>	<b>Cầu, Cống</b>		<b>ĐVT</b>	<b>Kiên cố</b>	<b>Yếu</b>	<b>Tạm</b>
1	Lê Giang	Cống: 50	Cái	35	15	0
2	Lê Lợi	Cống : 42	Cái	30	12	0
3	Đông Tân	Cống : 35	Cái	30	5	0
4	Quang Trung	Cống : 32.	Cái	25	7	0
5	Phú Xuân	Cống : 40	Cái	30	10	0

**Ghi chú:** Trục đường chính vào xã đã được bê tông hóa nhưng hai bên đường không có mương thoát nước nên khi có mưa nước không thoát được, ngập úng lâu làm nền yếu bị hư hỏng(ổ gà, ổ voi).

**c) Trường**

TT	Thôn	Số lượng trường	Đvt (Phòng)	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Đông Tân	THCS	30	2002	x	0	0
		Mẫu giáo	15	2009	x	0	0
2	Lê Giang	Tiểu học	22	1996	0	x	0

**Ghi chú:** 3 thôn không có trường học

**d) Cơ sở Y tế**

T T	Thôn	Số lượng Cơ sở Y tế	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán Kiên cố	Tạm
1	Đông Tân	Trạm y tế xã	2013	10	15	x	0	0
2	Lê Lợi	Cơ sở bán thuốc tư	2018	0	0	x	0	0

		nhân: 1						
3	Lê Giang	Cơ sở bán thuốc tư nhân: 2	2016	0	0	x	0	0

**Ghi chú:** Trạm y tế được xây dựng khang trang, có đầy đủ trang thiết bị cần thiết; Y, Bác sỹ để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

**e) Trụ Sở UBND và nhà văn hóa**

TT	Thôn	Hạng mục	Số lượng	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Lê Giang	Nhà văn hóa thôn (nhà)	1	2013	0	1	0
2	Lê Lợi	Nhà văn hóa thôn (nhà)	1	2015	0	1	0
3	Đông Tân	Nhà văn hóa thôn (nhà)	1	2012	0	1	0
4	Quang Trung	Nhà văn hóa thôn (nhà)	1	2011	0	1	0
5	Phú Xuân	Nhà văn hóa thôn (nhà)	1	2010	0	1	0
7	UBND xã	Công sở UBND xã (nhà)	1	2017	0	1	0

**Ghi chú:** Nhà Văn hóa của các thôn đã được xây dựng từ lâu hiện nay đã xuống cấp mất an toàn khi có thiên tai xảy ra

**f) Chợ (không có)**

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ tạm/chợ cóc	Lê Lợi		0	0	0	1

**Ghi chú:** Cả xã có 1 chợ cóc do nhân dân tự tổ chức nằm ở ven đường lớn gây mất an toàn giao thông và làm ô nhiễm môi trường.

**6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)**

TT	Hạng mục	Số lượng	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố
1	<b>Thôn Lê Giang</b>					
	Kênh mương (Km)	5,64	2010-2018	3,32	0	2,32
	Cống thủy lợi (cái)	55	2010-2018	25	15	20
2	<b>Thôn Lê Lợi</b>					
	Kênh mương(Km)	4,34	2010-2018	2,02	0	2,32

	Cống thủy lợi(cái)	40		15	10	15
3	<b>Thôn Đông Tân</b>					
	Kênh mương(Km)	5,5	2010-2018	2,2	1,0	1,8
	Cống thủy lợi(cái)	38	2005-2016	15	13	10
4	<b>Thôn Quang Trung</b>					
	Kênh mương(Km)	3,8	2010-2018	0,9	1,0	1,9
	Cống thủy lợi(cái)	20	2008 2017	0	10	10
5	<b>Thôn Phú Xuân</b>					
	Kênh mương(Km)	4,5	2010-2018	0	1,2	2,3
	Cống thủy lợi(cái)	25	2005-2016	0	13	0
	Trạm bơm (Trạm)	1	2005	01	0	0
<b>Ghi chú:</b> Hệ thống kênh mương đã được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp. Việc cung cấp nước tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp bị ảnh hưởng khi có thiên tai xảy ra.						

## 7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Lê Giang	277	190	73	83	19
2	Lê Lợi	331	167	84	47	16
3	Đông Tân	235	162	52	40	11
4	Quang Trung	229	108	39	27	6
5	Phú Xuân	201	138	58	36	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1273</b>	<b>765</b>	<b>306</b>	<b>233</b>	<b>58</b>
<b>Ghi chú:</b> Tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ còn cao, sẽ mất an toàn cho người dân khi có bão lũ xảy ra.						

## 8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số nhà/Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/Khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước công cộng	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Lê Giang	277	137	140	0	0	0	253	24	0

2	Lê Lợi	331	181	150	0	0	0	291	40	0
3	Đông Tân	235	183	52	0	0	0	201	34	0
4	Quang Trung	229	128	101	0	0	0	190	39	0
5	Phú Xuân	201	103	98	0	0	0	170	31	0
	<b>Tổng</b>	<b>1273</b>	<b>732</b>	<b>541</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1105</b>	<b>168</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:** Tỷ lệ hộ gia đình dùng nước sạch và có nhà tiêu hợp vệ sinh chưa cao dẫn đến việc ô nhiễm môi trường khi có RRTT và BĐKH.

### 9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Người cao tuổi	Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	02	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	55	0	0	65	0
5	Số ca bệnh phụ khoa	0	30	0	0	0

**Ghi chú:** Tỷ lệ trẻ em bị mắc các bệnh liên quan đến đường hô hấp do thời tiết thay đổi thất thường và vệ sinh cá nhân không đảm bảo

### 10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý: Không

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn							
2	Rừng trên cát							
3	Rừng tự nhiên							
4	Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng							
5	Rừng trồng							

**Ghi chú:** Trên địa bàn xã, không trồng rừng

### 11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính (ha)	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ (%)	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại

							(**)
1	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu	87,2 ha	Lê Giang	193	81	Trồng lúa và hoa màu	30
		63,7 ha	Lê Lợi	198	85	Trồng lúa và hoa màu	30
		61,9 ha	Đông Tân	124	74	Trồng lúa và hoa màu	50
			Quang Trung	137	72	Trồng lúa và hoa màu	55
		88,1 ha	Phú Xuân	120	80	Trồng lúa và hoa màu	60
2	Chăn nuôi - Gia cầm (GC) - Gia súc (GS)	570 con GC	Lê Giang	58	50	Chăn nuôi gia cầm	30
		296 con GS					
		897 con GC	Lê Lợi	80	50	Chăn nuôi gia cầm	30
		481 con GS					
		450 con GC	Đông Tân	45	50	Chăn nuôi gia cầm	30
		211 con GS					
		1300 con GC	Quang Trung	87	50	Chăn nuôi gia cầm	30
		190 con GS					
		1400 con GC	Phú Xuân	92	50	Chăn nuôi gia cầm	30
466 con GS							
3	Nuôi trồng thủy sản	105,32 ha	Phú Xuân	116	20	Nuôi tôm và cua	70
	Lê Giang						
	Lê Lợi						
4	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	Lê Giang	18	85	Dịch vụ buôn bán nhỏ	05
		Hộ	Lê Lợi	23	80	Dịch vụ buôn bán nhỏ	05
		Hộ	Đông Tân	11	85	Dịch vụ buôn bán nhỏ	05
		Hộ	Quang Trung	22	82	Dịch vụ buôn bán nhỏ	10
		Hộ	Phú Xuân	25	75	Dịch vụ buôn bán nhỏ	10
<b>Ghi chú:</b> Chăn nuôi đầu ra không ổn định giá cả bấp bênh nên hiện nay đang giảm đàn							



## 12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98 %	5 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	90 %	5 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm loa	15	5 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	90 %	5 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	5 thôn
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	%	40%	5 thôn
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	%	40%	5 thôn

**Ghi chú:** Hệ thống Truyền thanh và cảnh báo sớm đã xuống cấp dẫn đến việc thông báo di dời dân đến nơi an toàn gặp nhiều khó khăn khi có RRTT xảy ra.

## 13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	05	Các thôn chủ yếu là lập phương án ứng phó với thiên tai
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	Trường tiểu học, THCS và mầm non có phương án ứng phó
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	3	Đê sông cung
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	37	Có 5 nữ
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	9	Thành viên BCH
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	25 (11 nữ)	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ - cứu nạn tại xã	Người	80	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	15	

6	- Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUĐDKH dựa vào cộng đồng	Người	26	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	20	- Tuyên truyền phát tờ rơi.
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	- Áo phao	Chiếc	135	
	- Loa	Chiếc	11	
	- Đèn pin	Chiếc	0	
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải (hợp đồng trước)	Chiếc	1	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng:			
	- Bó rơm	Bó	500	
	- Bao bì	Cái	1000	
	- Cọc tre:	Cọc	500	
	- Đá dăm	m <sup>3</sup>	200	
	- Đất dự trữ	m <sup>3</sup>	500	
	- Phên liếp	m <sup>2</sup>	600	
	- Rọ sắt	Rọ	150	
	- Lưới B40	m <sup>2</sup>	40	
	- Mỳ tôm	Thùng	50	
	- Lương khô	Thùng	30	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ số	

**Ghi Chú:** Trang thiết bị, vật tư PCTT nhiều năm không được trang bị nên chưa đảm bảo cho công tác ứng phó tại chỗ khi có thiên tai xảy ra. Ban chỉ huy PCTT thiếu trang thiết bị nên còn gặp khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ khi có thiên tai.

#### 14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác: Không

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

**15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Lê Giang	Lê Lợi	Đông Tân	Quang Trung	Phú Xuân	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	55%	65%	60%	53%	62%	Trung bình
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng	70%	70%	80%	75%	80%	Cao
	- Điện sau công tơ	50%	65%	54%	62%	55%	Trung bình
	- Đường và cầu cống	80%	80%	80%	80%	80%	Cao
	- Trường	80%	80%	80%	80%	80%	Cao
	- Trạm	-	60%	60%	60%	60%	Trung bình
	- Trụ sở UBND	85%	85%	85%	85%	85%	Cao
	- Nhà văn hóa thôn	70%	70%	70%	70%	70%	Thấp
	- Chợ		10%				
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	50%	60%	53%	61%	56%	Trung bình
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	80%	80%	80%	80%	80%	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	40%	40%	40%	50%	50%	Thấp
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	65%	60%	55%	50%	60%	Trung bình
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý						
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	50%	60%	60%	60%	50%	Trung bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	60%	60%	65%	65%	60%	Trung Bình

Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	TB	TB	Cao	Cao	TB	
--	----	----	-----	-----	----	--

### C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã Hoàng Đông

#### 1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	<b>843 hộ</b> (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật Chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong khu dân cư có 230 hộ sống gần sông Cung thường xuyên bị ngập lụt.</li> <li>- Đường liên thôn cơ bản đang bằng đất: nhỏ, hẹp không đảm bảo cho việc đi lại của nhân dân.</li> <li>- Nhà văn hóa thôn chưa kiên cố, còn thiếu công trình vệ sinh, hệ thống nước dùng, hệ thống loa đài, phục vụ sinh hoạt cộng đồng.</li> <li>- Hệ thống đường dây điện xuống cấp 40%</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội xung kích đi làm ăn xa nên phải thay đổi thường xuyên, lại thiếu trang thiết bị PCTT, chưa được tập huấn kỹ năng.</li> <li>- Hầu hết hệ thống truyền thanh: đường dây xuống cấp, máy thu phát công suất thấp, hệ thống loa bị ô xi hóa, chưa được duy tu bảo dưỡng thường xuyên và chưa có âm ly di động ở nhà văn hóa thôn.</li> <li>- Sự phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT còn hạn chế.</li> <li>- Trong 3 thôn có các đối tượng dễ bị tổn thương, cần hỗ trợ khi có thiên tai: Trẻ em dưới 5 tuổi có 199, trong đó nữ: 92 em, trẻ em từ 5- 18 tuổi tổng 161 em, trong đó nữ là 80 em. Người cao tuổi: 35 trong đó nữ 188 người. Người khuyết tật 270, trong đó nữ 149 người, người bị bệnh hiểm nghèo: 18, trong đó có 11 người, người nghèo: 32 hộ, trong đó hộ nữ là 12 hộ, phụ nữ có thai 33 người, phụ nữ đơn thân:</li> </ul>	<p><b>*Vật Chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 03 nhà văn hóa thôn được xây dựng từ năm 2010 – 2015 có khuôn viên rộng để sinh hoạt cộng đồng</li> <li>- 240 cột điện và 02 trạm điện, 13,7 km dây điện kiên cố.</li> <li>- Có 10 % nhà dân có gác lửng để tránh lụt.</li> <li>- Trong thôn có 17 % nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH</li> <li>- Có tiểu ban phòng chống thiên tai và tổ xung kích của 03 thôn từ 20 - 25 người</li> <li>- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho người dân về PCTT.</li> <li>- Lòng ghép các chương trình PCTT vào các cuộc họp dân.</li> <li>- Ban chỉ huy PCTT thường xuyên kiểm tra vật tư PCTT để bổ sung kịp thời trước mùa thiên tai.</li> </ul> <p><b>* Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số hộ dân sống trong vùng lũ nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT, hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ.</li> <li>- Sống gần sông, thường xuyên bị lũ lụt nên người</li> </ul>	- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai/BĐKH.	<b>Cao</b>

		<p>225 người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 80%</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH và hươu thường xuyên nắm bắt các thông tin về PCTT/BĐKH.</li> <li>- Một số hộ dân ở vùng thấp trũng còn chủ quan không đi sơ tán, sợ mất tài sản.</li> </ul>	<p>dân chủ động chuẩn bị lương thực thực phẩm dự trữ trước thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau khi hoạn nạn, rủi ro xảy ra.</li> </ul>		
<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p><b>430</b> (Đông Tân: 229, Quang Trung: 201)</p>	<p><b>* Vật Chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong khu dân cư có 60 hộ nằm ở trong vùng thấp trũng gần các tuyến kênh mương, ven khu vực đất trồng lúa thường xuyên bị ngập lụt.</li> <li>- Có 2,5 km đường giao thông chưa được kiên cố hóa thường xuyên bị ngập lụt sạt lở hư hỏng.</li> <li>- Ở thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai: Người cao tuổi: 221, Trẻ em dưới 5 tuổi: 94; khuyết tật 165, người bị bệnh hiểm nghèo: 13, hộ nghèo: 17 hộ , phụ nữ có thai 19, phụ nữ đơn thân: 132</li> <li>- Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 85%</li> <li>- Đường dây điện sau công tơ xuống cấp 55% (hộ gia đình sử dụng và tự quản lý)</li> <li>- Có 3/3 nhà văn hóa xây dựng lâu năm, mái ngói, chưa có công trình vệ sinh và thiếu nguồn nước để sinh hoạt.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức,xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị, chưa được tập huấn kỹ năng.</li> <li>- Hệ thống truyền thanh xuống cấp, hư hỏng chưa được khắc phục.</li> <li>- Công tác truyền truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên.</li> <li>- Sự phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT còn hạn chế</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức về PCTT/BĐKH còn chưa được nâng cao</li> <li>- Một số hộ dân ở vùng thấp trũng</li> </ul>	<p><b>*Vật Chất.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 01/02 nhà văn hóa thôn có khuyến viên rộng để sinh hoạt cộng đồng;</li> <li>- 130 cột điện và 01 trạm điện, 9,3km dây điện kiên cố.</li> <li>- Trong thôn có 27% nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán , trú ẩn vào mùa lụt.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH.</li> <li>- Có tiểu ban phòng chống thiên tai và tổ xung kích của 02 thôn: 30 người</li> <li>- Đã tổ chức họp tuyên truyền cho người dân về PCTT.</li> <li>- Gần đây các cuộc họp thôn đã có truyền truyền về PCTT/BĐKH nhưng cả cán bộ thôn hiểu biết về BĐKH chưa nhiều, chưa sâu.</li> </ul> <p><b>* Kiến thức, Ý thức:.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân sống trong vùng Lụt nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT, hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ nhưng còn hạn chế</li> <li>- Địa bàn 02 thôn nằm ở vị trí trung tâm xã, không tiếp giáp Sông nên khi có thông báo về lụt bão thường chủ động được việc dự trữ lương thực, thực phẩm.</li> <li>- Một số hộ có tinh thần hỗ trợ giúp người có hoàn cảnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai/BĐKH.</li> </ul>	<p><b>Trung Bình</b></p>

			còn chủ quan không đi sơ tán, sợ mất tài sản	khó khăn, khi có lũ lụt mời đến nhà ăn ở ở khi nào hết lụt đưa về		
<b>Rét hại , hạn hán, sương muối</b>	Toàn xã	<b>1270</b>	- Nhiệt độ xuống thấp dưới 10 độ C - Tỷ lệ người già và trẻ em cao - Một bộ phận nhân dân còn thiếu kiến thức về phòng chống rét và còn chủ quan.	- Đa số người dân hiểu biết về cách phòng chống rét cho người và vật nuôi. - Trang bị chống rét cho cá nhân tương đối đầy đủ. - Tuyên truyền phổ biến kiến thức cho nhân dân phòng chống rét.	Nguy cơ bị bệnh về đường hô hấp và tim mạch cho người già và trẻ em	<b>Thấp</b>

**Ghi chú:** Tại xã được thực hiện dự án PCTT cho các đối tượng dễ bị tổn thương do tổ chức Tâm nhìn Thế giới tài trợ nên cũng đã tổ chức họp dân để thu thập thông tin, nhưng mỗi cuộc họp, người dân tham gia chủ yếu là đối tượng dễ bị tổn thương.

## 2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	<b>843</b> hộ (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<b>*Vật chất</b> - 30 % đường điện sau công tơ xuống cấp hỏng mất an toàn (hộ dân kéo điện về nhà trụ cột còn thấp và yếu. - Có 3,6 km đường giao thông chưa được kiên cố hóa, nền đường thấp. - Nhà văn hóa thôn Lê Giang mái lợp bằng ngói, thời gian xây dựng đã lâu, chưa có công trình vệ sinh và thiếu nguồn nước sinh hoạt cộng đồng. - Trường tiểu học thiếu 4 phòng học, nhà để xe, công trình vệ sinh xuống cấp. - Đường liên thôn còn hẹp không đảm bảo cho việc đi lại của người dân. - 4 Km Đường ra đê Sông Cung bằng đường đất, lầy lội không đảm bảo cho việc sơ tán di dời dân . - Đê Sông Cung đang còn bằng đất, mặt đê thấp. - Tuyến Kênh Rì Rọc chưa	<b>*Vật chất</b> - Có 70 % trụ điện được bê tông, kiên cố đảm bảo cho việc cung ứng điện. - Hệ thống đường đã được bê tông đảm bảo cho việc đi lại của người dân. - Có 3 nhà văn hóa thôn - Có 1 trường TH kiên cố (2 tầng tổng số 18 phòng học và các phòng chức năng). <b>*Tổ chức, Xã hội:</b> - Đã được đầu tư một số công trình công cộng nên về đích nông thôn mới vào cuối năm 2017. - Hàng năm chính quyền có bố trí nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình như đường giao thông. - Một số tuyến đường liên thôn được huyện hỗ trợ 50% người dân tự nguyện đóng góp 50% <b>*Kiến thức, Ý thức:</b> - Ý thức người dân về tham	- Đường điện sau công tơ xuống cấp, bị đứt hư hỏng mất an toàn khi có thiên tai/ BDKH. - Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 11 xảy ra. - Nhà Văn hóa thôn Lê Giang có nguy cơ bị tốc mái bị hư hỏng	<b>Cao</b>

		<p>được xây, không đáp ứng ứng hệ thống tiêu nước khi mưa to nhiều giờ gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân.</p> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa có kinh phí để đầu tư nâng cấp hệ thống đường giao thông.</li> <li>- Chưa có chế tài xử phạt hành chính</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các phương tiện xe ô tô chở quá khổ, quá tải.</li> </ul>	<p>gia xây dựng các công trình rất tốt, đã tham gia đóng góp trên tinh thần " <i>nhà nước và nhân dân cùng làm</i>". Đóng góp 50% kinh phí để xây dựng các công trình cùng nhà nước xây dựng nông thôn mới</p>	<p>khi có thiên tai BDKH hậu xảy ra.</p>	
<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p><b>430</b> (Đông Tân: 229, Quang Trung 201)</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 55% đường điện sau công tơ dây nhỏ, chắp nối nhiều đoạn, trụ điện bằng cột cây).</li> <li>- Có 2,5 km đường giao thông nền đường thấp, nhỏ hẹp và gần sông.</li> <li>- Đường liên thôn nhỏ hẹp nhiều đoạn còn bằng đất lầy lội đi lại khó khăn.</li> <li>- Trường mầm non mái lợp ngói, lợp tôn xây dựng năm 2009.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho PCTT cho đội xung kích.</li> <li>- Việc vận động đóng góp làm đường giao thông hàng năm còn ở mức thấp.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân kinh tế khó khăn chủ yếu làm nông nghiệp, thu nhập thấp nên việc đóng góp cho các công trình còn hạn hẹp.</li> <li>- Các tuyến đường trong thôn bị hư hỏng do xe ô tô chạy hàng ngày quá tải.</li> <li>- Việc trồng cây hai bên đường còn mang tính tự phát, chưa được cụ thể hóa thành phong trào chung.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 50% trụ điện được bê tông, kiên cố, 4,1km dây điện kiên cố. đủ điện cho sinh hoạt</li> <li>- 1,6 km đường liên xã kiên cố hóa</li> <li>- Có: 01/02 nhà văn hóa thôn kiên cố, rộng rãi. Đủ kiên kiện cho nhân dân trú ẩn trong Mùa mưa bão)</li> <li>- Có 02 trường học (Trường THCS và Mầm Non) đã được xây dựng kiên cố.</li> <li>- Đã nâng cấp đường bê tông 500 m do nhân dân tự đóng góp trong quá trình xây dựng NTM</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã được đầu tư một số công trình công cộng nên về đích nông thôn mới vào cuối năm 2017.</li> <li>- Hàng năm chính quyền có bố trí nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình bị xuống cấp.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý thức người dân về tham gia xây dựng các công trình rất tốt, đã tham gia đóng góp trên tinh thần " <i>nhà nước và nhân dân cùng làm</i>". Đóng góp 30% kinh phí để xây dựng các công trình cùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường điện sau công tơ xuống cấp hư hỏng mất an toàn khi có thiên tai/ BDKH.</li> <li>- Đường giao thông sạt lở hư hỏng không an toàn đi lại khi có thiên tai /BDKH</li> </ul>	<p><b>Trung Bình</b></p>

				nhà nước xây dựng nông thôn mới.		
<p><b>Ghi chú:</b> Hiện nay xã đã được công nhận xã nông thôn mới nên được đầu tư bê tông hóa nhiều tuyến đường, nhưng do địa hình thấp trũng, kỹ thuật xây dựng còn kém, chưa kiểm soát các xe có trọng lớn. Hiện còn 4 Km đường ra đê Sông Cung bằng đường đất, lầy lội không đảm bảo cho việc sơ tán di dời dân, nếu không gia cố, nâng cấp kịp thời thì nước mặn tràn vào làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân của 3 thôn nói chung và cả xã nói riêng.</p>						

### 3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	<b>843</b> (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất:</b> 3 km kênh N26, 1,5km các kênh Duôn – Xu – Chăn hai bên bờ còn đất, lòng kênh còn hẹp chưa đảm bảo cho việc tưới tiêu.</p> <p><b>*Tổ chức – xã hội</b> - Chưa có kinh phí để đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương. - Tổ thủy nông điều tiết nước còn hạn chế.</p> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b> - Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương. - Người dân chủ yếu làm nghề nông nghiệp thu nhập thấp nên chưa đóng phí nạo vét kênh mương đầy đủ, một số có tư tưởng ỷ lại không muốn đóng phí hàng năm.</p>	<p><b>*Vật chất</b> - Có 3 km kênh mương được kiên cố. - Có 02 Kênh đang được xây dựng phục vụ sản xuất.</p> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b> - Có hợp tác xã quản lý kênh mương để nạo vét và điều tiết nước tưới tiêu. - Tuyên truyền vận động nhân dân đóng kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm. - Tổ thủy nông điều tiết nước đảm bảo phục vụ sản xuất khi vào mùa vụ.</p> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b> - Đa số người dân có ý thức đóng góp để nạo vét kênh mương - Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng.</p>	- Nguy cơ 3 Km kênh mương bị sạt lở, ách tắc dòng chảy khi có thiên tai.	<b>Cao</b>
	<b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)	<b>430</b> (Đông Tân: 229, Quang Trung 201)	<p><b>*Vật chất</b> - 5,7 km kênh mương chưa được kiên cố hóa. - Kênh tưới bị xuống cấp trầm trọng. và hư hỏng nhiều, chưa được sửa chữa kịp thời. - 2,0 km mương tiêu chưa thường xuyên nạo vét</p>	<p><b>*Vật chất</b> - Có 3,2 km kênh mương được kiên cố. - Có 53 công thủy lợi được kiên cố - Có 01 trạm bơm kiên cố</p> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b> - Năm 2017, xã về đích nông thôn mới nên một số</p>	- Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi có thiên	<b>Cao</b>



		<p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư kinh phí để xây dựng vào hệ thống kênh mương còn ở mức thấp</li> <li>- Hợp tác xã quản lý kênh mương do trả kinh phí thấp nên chưa nạo vét thường xuyên, kênh mương ách tắc bị ngập úng ảnh hưởng đến cây trồng.</li> <li>- Chưa quan tâm bố trí nguồn kinh phí để kiên cố hóa kênh mương</li> <li>- Tổ thủy nông điều tiết nước còn hạn chế.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương.</li> <li>- Người dân chủ yếu làm nghề nông nghiệp thu nhập thấp nên chưa đóng phí nạo vét kênh mương đầy đủ, một số có tư tưởng ỷ lại không muốn đóng phí hàng năm.</li> </ul>	<p>công trình thủy lợi trên địa bàn thôn đã được nâng cấp kiên cố hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kênh Bà Bông</li> <li>+ Kênh Đông Yên.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hợp tác xã quản lý kênh mương để nạo vét và điều tiết nước tưới tiêu.</li> <li>- Truyền truyền vận động nhân dân đóng kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm .</li> <li>- Tổ thủy nông điều tiết nước đảm bảo phục vụ sản xuất khi vào vụ</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có ý thức đóng góp để nạo vét kênh mương</li> <li>- Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng.</li> </ul>	<p>tai/ BĐKH</p>
--	--	---	--	----------------------

**Ghi chú:** Là một xã thuần nông và địa trũng nên cần đầu tư kiên cố hóa hệ thống kênh mương, hệ thống kênh mương chưa được kiên cố (xây bê tông) trên toàn thôn cần được quan tâm, hỗ trợ, đầu tư

#### 4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	843 hộ (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong 03 thôn có số nhà bán kiên cố là 215, nhà thiếu kiên cố 166, nhà đơn sơ 41 đã xây dựng lâu năm và lợp bằng mái tôn, ngói, prôximăng ( còn 209 hộ cần được hỗ trợ làm nhà, có danh sách kèm theo)</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho người dân về xây dựng nhà chống bão lũ.</li> <li>- Thiếu nhân lực để hỗ trợ bà con chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Đội xung kích thường</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 06 hộ được dự án hỗ trợ xây nhà tránh trú bão.</li> <li>- Có 495 nhà kiên cố trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã đã về đích thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai.</li> </ul>	<b>Cao</b>

		<p>xuyên thay đổi do đi làm ăn xa, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn</p> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai.</li> <li>- Có 50% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lũ.</li> <li>- Sống ở vùng trũng gần sông nhưng người dân chưa làm nhà có gác lửng để đưa đồ đạc lên cao khi có lụt.</li> </ul>	<p>nên quan tâm đầu tư về nhà ở cho các hộ khó khăn (tiêu chí số 9).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chằng chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân.</li> <li>- Một số tổ chức đoàn thể như hội CTĐ, hội phụ nữ đã vận động xây dựng nhà cho gia đình neo đơn.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân trong thôn có ý thức tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul>		
<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p>430 (Đông Tân: 229, Quang Trung; 201)</p>	<p><b>* Vật chất.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 84 nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ (Trong đó có 21 nhà lại ở vùng trũng thấp) nguy cơ ngập lụt sâu.</li> <li>- Có 67 nhà bán kiên cố người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp không có kinh phí xây dựng nhà mới.</li> <li>- Cần hỗ trợ 40 hộ xây dựng nhà ở. (có danh sách kèm theo)</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai/BĐKH cho người dân chưa thường xuyên.</li> <li>- Thiếu nhân lực để hỗ trợ bà con chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Đội xung kích thường xuyên thay đổi do đi làm ăn xa, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nhiều nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai (Các hộ có hoàn cảnh khó</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 270 nhà kiên cố; trong đó có 30 nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã đã về đích thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 nên quan tâm, giúp đỡ về nhà ở cho các hộ khó khăn (tiêu chí số 9).</li> <li>- Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chằng chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân.</li> <li>- Một số tổ chức đoàn thể như hội CTĐ, hội phụ nữ đã vận động xây dựng nhà cho gia đình neo đơn.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân trong thôn có ý thức tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở có nguy cơ bị ngập, hư hỏng nền móng, Sân vườn bị ngập úng ...khi có thiên tai / BĐKH</li> </ul>	<p><b>Trung bình</b></p>

			<p>khan, neo đơn, già yếu, tàn tật...)</p> <p>- Có 75% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lũ.</p>	<p>dân cư khi có thiên tai xảy ra.</p>		
--	--	--	--	--	--	--

**Ghi chú:** Toàn xã có 233 nhà thiếu kiên cố xuống cấp cần được hỗ trợ, nhưng nếu không thay đổi tiêu chí chỉ theo Quyết định 48 thì các hộ không đủ tiền đối ứng để xây nhà.

### 5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	843 (Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện còn 20 % tỷ lệ hộ dân chưa sử dụng nước sạch.</li> <li>- Các hộ chăn nuôi còn thải nước bẩn trực tiếp ra môi trường.</li> <li>- Trong 03 thôn có 95 hộ dân chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh.</li> <li>- Thiếu thùng rác ở các nơi công cộng.</li> <li>- Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư chưa có nên không thoát được nước gây ô nhiễm môi trường.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa được thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành.</li> <li>- Chưa có hình thức xử phạt đối với những hộ không chấp hành việc đóng phí thu gom rác thải.</li> <li>- Chưa huy động được nguồn kinh phí để xây dựng các bể chứa bao bì thực vật và quy hoạch bãi rác thải.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao, tình trạng vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống mương, ao hồ còn phổ biến.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 421 hộ Các hộ dùng cả giếng đào, giếng khoan.</li> <li>- Có <b>338</b> hộ dùng nước máy</li> <li>- Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 714 hộ.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nông thôn mới các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động vệ sinh môi trường</li> <li>- Có đội ngũ thu gom rác thải của xã thu gom mỗi tuần 01 lần</li> <li>- Ban Mặt trận thôn đến tuyên truyền vận động từng hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.</li> <li>- Hàng tháng phát động cho bà con nhân dân tham gia tổng dọn VSMT tránh xảy ra dịch bệnh trong khu dân cư.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ chấp hành tốt việc thu gom rác thải, đã tham gia thu gom rác thải đạt 90%</li> <li>- Một số hộ chăn nuôi đã làm hầm bioga.</li> <li>- Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh đảm bảo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu nước sạch do nguồn nước bị nhiễm phèn.</li> <li>- Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai/ BDKH</li> </ul>	<b>Trung bình</b>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng kênh, mương sông ngòi.</li> <li>- Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm bi ôgas còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường.</li> <li>- Một số hộ dân còn phun thuốc diệt cỏ ảnh hưởng đến người dân và môi trường.</li> </ul>	<p>vệ sinh môi trường, trồng hoa dọc đường đi</p>		
<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p>430 (Đông Tân: 229, Quang Trung; 201)</p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ chăn nuôi còn thải nước bẩn trực tiếp ra môi trường.</li> <li>- Có 03 hộ chưa có nhà tiêu chưa hợp vệ sinh</li> <li>- Thiếu thùng rác ở các nơi công cộng.</li> <li>- Ngập lụt ngâm lâu ngày gây ra ô nhiễm môi trường.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa được thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành.</li> <li>- Chưa có hình thức xử phạt chỉ dừng lại ở mức nhắc nhở về vệ sinh môi trường.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao, vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống mương, ao hồ.</li> <li>- Một số người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng kênh, mương sông ngòi.</li> <li>- Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm bi ôgas còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường.</li> <li>- Một số hộ dân còn phun thuốc diệt cỏ ảnh hưởng đến người dân và môi trường.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổ xã đã có hệ thống nước sạch cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân theo tiêu chuẩn cho phép.</li> <li>- Có 311 hộ Các hộ dùng cả giếng đào, giếng khoan,.</li> <li>- Có 153 hộ dùng nước máy</li> <li>- Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 391 hộ.</li> <li>- Nhà văn hóa thôn có thùng rác công cộng</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nông thôn mới các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động vệ sinh môi trường</li> <li>- Có đội ngũ thu gom rác thải của thôn thu gom mỗi tuần 2 lần</li> <li>- Ban dân chính thôn đến tuyên truyền vận động từng hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.</li> <li>- Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ chấp hành tốt việc thu gom rác thải, đã tham gia thu gom rác thải đạt 80%</li> <li>- Hiện nay một số hộ đã chuyển công trình chuồng trại ra sau nhà</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu nước sạch do nguồn nước bị nhiễm phèn.</li> <li>- Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai/ BĐKH</li> </ul>	<p><b>Trung bình</b></p>

				- Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường, trồng hoa dọc đường đi tạo môi trường xanh sạch đẹp		
<p><b>Ghi chú:</b> Vấn đề nước sạch rất ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân, Tuy đã có nhà máy cung ứng nước sạch đến từng hộ dân theo Dự án đầu tư của ngân thế Thế giới (WB) nhưng một số hộ dân kinh tế còn khó khăn nên chưa sử dụng và chủ yếu vẫn đang sử dụng nước mưa và giếng ngầm.</p>						

### 6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	843 (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian ngập lụt kéo dài từ 7 đến 10 ngày vì thể xác sức vật chết, trôi nổi khắp nơi gây ô nhiễm môi trường, gây ra dịch bệnh, Sốt xuất huyết, đường ruột, mắt đỏ, bệnh ngoài da, dịch cúm.</li> <li>- Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước sau thiên tai.</li> <li>- Thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh.</li> <li>- Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân.</li> <li>- Chưa có hệ thống xử lý rác thải về y tế.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.</li> <li>- Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế.</li> <li>- Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường.</li> <li>- Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lũ lụt chưa kịp thời.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân thiếu kiến thức về an toàn thực phẩm</li> <li>- Chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị</li> <li>- Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 y tế thôn .</li> <li>- Một số hộ có tủ thuốc gia đình.</li> <li>- 85% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế.</li> <li>- Có một số cơ sở thuốc dự phòng cho thiên tai.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân đã đến khám bệnh tại trạm y tế.</li> <li>- Tiêm phòng vecxin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ.</li> <li>- Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.</li> <li>- Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe vệ sinh môi trường.</li> <li>- Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn.</li> <li>- Phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai.</li> <li>- Một số người dân đi khám bệnh kỳ theo sổ bảo hiểm y tế.</li> <li>- Mới đây một số người</li> </ul>	- Ô nhiễm môi trường - Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH	<b>Trung bình</b>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>trẻ đã quan tâm hạn sử dụng của hàng hóa.</li> <li>- Một số hộ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện.</li> </ul>		
	<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p>430 (Đông Tân: 229, Quang Trung 201)</p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi bị ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi nổi khắp nơi gây ô nhiễm môi trường, gây ra dịch bệnh, nên sau thiên tai thường xảy ra dịch bệnh như: Sốt xuất huyết, đường ruột, mắt đỏ, ngoài da.</li> <li>- Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai</li> <li>- Thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh.</li> <li>- Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.</li> <li>- Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế</li> <li>- Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.</li> <li>- Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường.</li> <li>- Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lũ lụt chưa kịp thời.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân thiếu kiên thức về an toàn thực phẩm</li> <li>- Chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị</li> <li>- Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám.</li> <li>- Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 y tế thôn .</li> <li>- Một số hộ có tủ thuốc gia đình.</li> <li>- 85% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế.</li> <li>- Có một số cơ sở thuốc dự phòng cho thiên tai.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân đã đến khám bệnh tại trạm y tế</li> <li>- Tiêm phòng vacxin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ.</li> <li>- Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.</li> <li>- Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe vệ sinh môi trường.</li> <li>- Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn.</li> <li>- Phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai.</li> <li>- Một số người dân đi khám bệnh kỳ theo sổ bảo hiểm y tế.</li> <li>- Mới đây một số người trẻ đã quan tâm hạn sử dụng của hàng hóa.</li> <li>- Một số hộ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> <li>- Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH</li> </ul>	<p><b>Trung bình</b></p>

## 7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	<b>843</b> (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mưa lụt kéo dài ngày nên ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh, nhà trường phải cho học sinh nghỉ học và xếp lịch học bù vào thời gian khác.</li> <li>- Học sinh chưa biết bơi 100%,</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa tổ chức tập huấn về kỹ năng phòng, chống thiên tai/BĐKH cho học sinh.</li> <li>- Nhà trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu</li> <li>- Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học</li> <li>- Chưa lồng ghép chương trình PCTT vào các tiết học.</li> <li>- Giáo viên chưa được tập huấn về an toàn trường học phòng chống thiên tai biến đổi khí hậu.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thiếu kiến thức kỹ năng nhưng hiếu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi để xảy ra rủi ro.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một điểm trường tiểu học kiên cố.</li> <li>- Thầy cô đã quan tâm hỗ trợ học sinh khi có thiên tai/BĐKH.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai.</li> <li>- Trường tiểu học đã truyền truyền về PCTT/BĐKH cho học sinh. Các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp có nhắc nhở về PCTT/BĐKH.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên sống trong vùng bão, lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức PCTT/BĐKH.</li> <li>- Một số phụ huynh đã quan tâm đến việc dạy bơi cho trẻ em.</li> </ul>	Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có thiên tai/BĐKH	<b>Cao</b>
	<b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)	<b>430</b> (Đông Tân: 229, Quang Trung ; 201	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số tuyến đường liên thôn chưa được bê tông hóa, khi mùa bão đến thường bị ngập lụt, lầy lội nên gây khó khăn trong việc đi lại của học sinh.</li> <li>- Học sinh chưa biết bơi 90%, thiếu phương tiện cứu nạn, cứu hộ khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa tổ chức tập huấn về kỹ năng phòng, chống thiên tai/BĐKH cho học sinh.</li> <li>- Nhà trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu</li> <li>- Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số phụ huynh chưa có ý thức cho con em học bơi.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một điểm trường THCS, 01 điểm trường mầm non là điểm tập kết của nhân dân khi có bão lụt xảy ra.</li> <li>- Nhà trường đưa chương trình lồng ghép các kiến thức về phòng chống thiên tai và BĐKH cho học sinh các cấp.</li> <li>- Dự án tầm nhìn thế giới đã hỗ trợ xây dựng 01 nhà tránh/trú bão ngay tại trường THCS với biển báo đầy đủ</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai.</li> <li>- Trường tiểu học đã truyền truyền về</li> </ul>	Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có thiên tai/BĐKH	<b>Trung bình</b>

			- Học sinh thiếu kiến thức kỹ năng nhưng hiếu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi dễ xảy ra rủi ro	PCTT/BĐKH cho học sinh. Các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp có nhắc nhở về PCTT/BĐKH. <b>*Kiến thức, Ý thức:</b> - Thường xuyên sống trong vùng bão, lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức PCTT/BĐKH.		
<p><b>Ghi chú:</b> Địa hình vùng trũng thấp, tỷ lệ trẻ em không biết bơi cao, khi học sinh nghỉ học dài ngày do thiếu kiến thức, hiếu động, bố mẹ lo làm ăn nên thường xảy ra đuối nước ở trẻ em.</p>						

8. Rừng (không có)

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	<b>843</b> (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng trũng thấp bị bao bọc bởi các con sông nên có 70 ha hoa màu thường xuyên bị ngập úng 40 ha đất lúa thường bị ngập ảnh hưởng đến thu hoạch.</li> <li>- 3.6 km N26, kênh Zuân u chặn Hệ thống kênh mương lòng mương nhỏ hẹp, bờ bằng đất chưa đảm bảo cho việc tưới tiêu.</li> <li>- Còn thiếu các trang thiết bị như: Máy bơm nước, máy cày bừa.</li> <li>- 4 trục đường nội đồng còn nhỏ hẹp bằng đất (trục ông Trì, trục ông Phú, trục ông Tuất, trục Lan Minh).</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững.</li> <li>- Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón nổi trôi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng.</li> <li>- Tập huấn chuyên giao KHKT chưa được nhiều, chủ yếu nam</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 185 ha diện tích đất trồng lúa với 614 hộ tham gia trồng đó tỷ lệ nữ chiếm 70%</li> <li>- Đa số kênh mương được bê tông hóa, đường nội đồng được kiên cố nên việc vận chuyển hàng nông sản của nhân dân được thuận lợi.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ tưới cây trồng tốt.</li> <li>- Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt nhưng chủ yếu nam tham gia.</li> <li>- Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu.</li> <li>- Có thành lập hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ cho</li> </ul>	- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH	<b>Cao</b>



		<p>tham gia(85%)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra. Chủ yếu người dân tự cung, tự cấp.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động</li> <li>- Một số hộ dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ</li> <li>- Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.</li> </ul>	<p>sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ</p> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có đầu ra bền vững.</li> <li>- Sống với nghề nông nghiệp từ đời nay sang đời khác nên đa số hộ dân có kinh nghiệm trong trồng trọt.</li> </ul>		
<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p><b>430</b> (Đông Tân: 229, Quang Trung: 201)</p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng trũng thấp bị bao bọc bởi các tuyến mương nên có 15 ha hoa màu thường xuyên bị ngập úng; 35ha đất lúa thường bị ngập sâu hư dễ bị hỏng không cho thu hoạch.</li> <li>- Năng suất cây trồng thấp, do BĐKH thời tiết thất thường, lúc mưa lúc nắng, có những đợt sau ngập lụt thì nắng nóng gay gắt cây trồng không phát triển được, bị dịch bệnh sâu hại trên cây trồng</li> <li>- Hệ thống kênh mương nội đồng chưa đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu (65% kênh bằng đất) nên trồng trọt phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên.</li> <li>- Có 20 công thủy lợi chưa được xây kiên cố. Một phần gây ảnh hưởng đến việc tiêu úng nước sau mùa lụt bão.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững.</li> <li>- Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón nổi trôi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng.</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT chưa được nhiều, chủ yếu nữ tham gia (60%)</li> <li>- Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra. Chủ yếu người</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 124 ha diện tích đất trồng lúa với 614 hộ tham gia trồng đó tỷ lệ nữ chiếm 70%</li> <li>- Có 5,1km kênh mương được kiên cố và bán kiên cố nên việc tưới tiêu, vận chuyển hàng nông sản của nhân dân được thuận lợi.</li> <li>- Có 38 công thủy lợi được xây dựng kiên cố và bán kiên cố góp phần không nhỏ vào việc thoát nước lũ, tránh ngập úng trên diện tích</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp tác xã cung ứng , quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng tốt.</li> <li>- Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt (nhưng chủ yếu nữ tham gia);</li> <li>- Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu.</li> <li>- Có thành lập hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có đầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH.</li> </ul>	<p><b>Cao</b></p>

			<p>dân tự cung, tự cấp.</p> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động</li> <li>- Một số hộ dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ</li> <li>- Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.</li> </ul>	<p>ra bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sống với nghề nông nghiệp từ đời nay sang đời khác nên đa số hộ dân có kinh nghiệm trong trồng trọt.</li> <li>- Người dân đã nghiên cứu học hỏi để chuyển đổi cây lúa sang trồng cây nếp có đầu ra bền vững</li> </ul>		
<b>Hạn hán và Rét hại</b>	<b>Toàn xã</b>	<b>1270</b>	<p><b>*Vật Chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thôn có 62ha đất trồng lúa và hoa màu các loại, các diện tích nhỏ lẻ manh mún.</li> <li>- Chuồng trại chăn nuôi thô sơ, thiếu trang thiết bị phục vụ chăn nuôi, thức ăn và con giống chưa rõ nguồn gốc. Có 190 con gia súc (Lợn là chủ yếu), 13.000 con gia cầm (gà, vịt là chủ yếu)</li> <li>- Có 1,2ha ao nuôi cá bờ ao, đầm còn bằng đất thấp, nhỏ.</li> <li>- Hệ thống kênh mương của hai xóm còn nhỏ hẹp, bờ mương bằng đất ách tắc dòng chảy.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT còn hạn chế.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức.:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức về PCTT/BĐKH còn chưa được nâng cao.</li> <li>- Một số hộ dân còn chưa lưu tâm đến tác hại của thời tiết, còn chủ quan trong các tình huống.</li> </ul>	<p><b>*Vật Chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 06 trang trại kiên cố, có các cơ sở vật chất cơ bản để chống rét cho vật nuôi.</li> <li>- Các gia trại của các hộ gia đình cũng được xây dựng kiên cố, có hệ thống đèn điện, cửa đầy đủ.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tổ chức họp tuyên truyền cho người dân về biện pháp chống rét cho cây trồng, vật nuôi.</li> <li>- 100% diện tích gieo mạ được che phủ nilon khi có rét.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm, đến mùa rét, đa phần các hộ dân đều chủ động tích trữ củi, nilon để che chắn cho cây trồng và sưởi ấm cho chuồng trại.</li> </ul>	- Rét đậm, rét hại chết cây màu, không cho thu nhập	<b>Trung bình</b>
<p><b>Ghi chú:</b> Người dân chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp chủ yếu sản xuất theo thủ công chưa áp dụng khoa học kỹ thuật nên năng suất thấp nên đời sống của người dân còn gặp rất nhiều khó khăn.</p>						

### 10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1 (Phú Xuân, Lê Giang,</b>	<b>843</b> (thôn Phú Xuân 235,	<b>*Vật chất;</b> - 95% hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường, chăn nuôi manh mún,	<b>*Vật chất;</b> - Có 258 hộ tham gia chăn nuôi với 967 con gia súc, 1917 con gia cầm, trong đó 30% hộ chăn nuôi gia súc có	- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh khi	<b>Cao</b>

	<p>Lê Lợi) Lê Lợi 331, Lê Lợi 277)</p>	<p>nhỏ lẻ. - Trong thôn chưa có trang trại, gia trại chủ yếu gia cầm chăn nuôi thả rộng. - Do BĐKH thời tiết diễn biến thất thường nên dịch bệnh lở mông, long móng, H5N1 trên gia súc tăng cao <b>*Tổ chức, Xã hội:</b> - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể. - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Năng lực CB thú y còn hạn chế - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm đàn. <b>*Kiến thức, Ý thức:</b> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc - 95% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiến thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Vì chăn nuôi chủ yếu là tận dụng thức ăn có sẵn nên người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - Đa số hộ chăn nuôi thiếu kiến thức khoa học, chưa tham gia thực hiện thú y trọn gói.</p>	<p>chuồng kiên cố. - Trong thôn có 1 cộng tác viên thú y có thể tiêm phòng và điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm. - 4 hộ chăn nuôi trang trại. <b>*Tổ chức, Xã hội:</b> - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Hội nông dân có tập huấn kỹ thuật trong chăn nuôi tuy nhiên còn rất ít lớp. - Truyền truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch - Tuyên truyền vận động hộ chăn nuôi vùng thấp trồng xây các gò cao để di dời gia súc gia cầm khi có lũ lụt. - Một số hộ đã làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường <b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b> - Một số hộ biết tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, và lao động nhàn rỗi trong gia đình để chăn nuôi tăng thu nhập cho gia đình. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. - Một số hộ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi nên đã đăng ký thực hiện thú y trọn gói.</p>	<p>có thiên tai/ BĐKH</p>	
<p><b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)</p>	<p>430 (Đông Tân: 229, Quang Trung ; 201</p>	<p><b>*Vật chất</b> - 70% hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - 75 % hộ chăn nuôi mảnh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Do BĐKH thời tiết diễn biến thất thường nên dịch bệnh lở môm, long móng ...</p>	<p><b>*Vật chất</b> - Có 614 hộ tham gia chăn nuôi với 300 con gia súc, 2950 con gia cầm, trong đó 30% hộ chăn nuôi gia súc có chuồng kiên cố. - Trong thôn 06 trang trại kiên cố, có đầy đủ trang thiết bị kỹ thuật để chăm sóc cho vật nuôi - Trong thôn 30% hộ chăn</p>	<p>- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BĐKH</p>	<p><b>Trung bình</b></p>

			<p>trên gia súc tăng cao</p> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế</li> <li>- Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức phòng chống rét cho gia súc, gia cầm</li> <li>- 70% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiến thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi.</li> <li>- Các hộ chăn nuôi nhỏ trong thôn (chiếm đến 70%) chủ yếu là với mục đích tự cung tự cấp nên ít đầu tư trong gia trại</li> </ul>	<p>nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo</p> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội nông dân có tập huấn kỹ thuật trong chăn nuôi tuy nhiên còn rất ít lớp.</li> <li>- Truyền truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về các biện pháp phòng chống gió, rét khi mùa đông tới.</li> <li>- Tuyên vận động hộ chăn nuôi xây dựng chuồng trại có cửa, mái chuồng đảm bảo chắc chắn để che gió và giữ ấm vào mùa rét.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ dân đã dần biết cách xây dựng chuồng trại vào vị trí khuất gió, bố trí mái thông thoáng và chắc chắn. Nền thoáng mát, không đọng nước.</li> <li>- Bố trí cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại.</li> <li>- Một số hộ đã biết áp dụng bóng đèn và đốt củ vào mùa đông để giữ ấm chuồng trại.</li> </ul>		
<b>Hạn hán và rét hại</b>	<b>Toàn xã</b>	<b>1270</b>	<p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia súc, gia cầm tăng trưởng chậm, dịch bệnh.</li> <li>- Chuồng trại chăn nuôi tạm bợ, thô sơ, nuôi nhỏ lẻ</li> <li>- Chưa có trang thiết bị chăn nuôi.</li> <li>- Chưa có bể chứa chất thải gia súc, gia cầm.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền về chăm sóc, vệ sinh môi trường chưa thường xuyên.</li> <li>- Việc quản lý thức ăn, thuốc phòng bệnh chưa rõ nguồn gốc.</li> <li>- Cán bộ thú y chuyên môn còn hạn chế.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, Ý thức::</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa biết lựa chọn thức ăn, nguồn giống.</li> <li>- Chưa thường xuyên tiêm</li> </ul>	<p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 6 hộ nuôi trang trại xa khu dân cư, chuồng trại chăn nuôi kiên cố và đã có hầm bioga để xử lý chất thải gia súc gia cầm.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên tập huấn, tuyên truyền</li> <li>- Nguồn giống, thức ăn, thuốc do công ty cung ứng.</li> <li>- Bao tiêu sản phẩm.</li> <li>- Có 1 cán bộ thú y</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu các hộ dân nuôi tự cung tự cấp.</li> <li>- Chủ động tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc gia cầm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BDKH</li> </ul>	<b>Trung bình</b>

			phòng dịch bệnh cho gia súc gia cầm. - Chưa chủ động che chắn chuồng trại.			
--	--	--	---	--	--	--

**Ghi chú:** Tình trạng rét đậm, rét hại xảy ra không theo kịch bản cụ thể, xảy ra không thường xuyên, sớm muộn tùy từng năm nên đa phần người dân đều chủ quan nên việc chăn nuôi hiệu quả không cao thu nhập thấp đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn.

### 11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	843 (thôn Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích nuôi trồng sát sông, tháp trũng thường bị ngập lụt có khi mất trắng, mất vốn.</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, cơ sở vật chất còn hạn chế chưa áp dụng KHKT. Nuôi bán thâm canh và quảng canh chưa có quy mô, kinh phí đầu tư chưa cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thô sơ, nên chưa đáp ứng được nhu cầu chăn nuôi.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thức ăn và con giống còn trôi nổi trên thị trường, chưa được kiểm dịch.</li> <li>- Đầu ra chưa ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái.</li> <li>- Chưa được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa biết cách lựa chọn con giống phù hợp.</li> <li>- Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế.</li> <li>- Một số hộ dân thả giống tôm chưa đúng theo lịch và thời vụ.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 105,32 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm cua với 116 hộ tham gia nuôi.</li> <li>- Một số hộ đã đầu tư nâng cấp, gia cố ao mương kiên cố</li> <li>- Có hệ thống đê ngăn mặn 4,7 km và diện tích nuôi trồng gần sông nên đảm bảo nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Một số hộ nuôi trồng đều đóng giếng cấp nước sạch phục vụ cho nuôi tôm.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Khuyến cáo người dân thu hoạch trước mùa mưa lũ.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức vệ sinh ao hồ trước khi thả giống.</li> <li>- Gia cố công trước khi thả giống.</li> </ul>	-Thủy sản giảm năng suất, giảm sản lượng khi có thiên tai/ BDKH	<b>Trung bình</b>

**Ghi chú:** Toàn xã có 105,32 ha diện tích nuôi trồng thủy sản gần ven sông Cung. Chưa quan tâm đầu tư hạ tầng cho vùng nuôi trồng thủy - hải sản. Hiện nay đang lập đề án để mở rộng diện tích, tiến tới quy hoạch vùng chuyên canh cho nuôi tôm, cua để tăng nguồn thu nhập.

12. Du lịch: không

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	843 (thôn Phú Xuân 235, Lê Gian g 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buôn bán dịch vụ tại thôn chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ:</li> <li>- 5% là quán ăn uống, giải khát tận dụng nhà ở để dựng lều che chắn tạm bợ.</li> <li>- Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài và gián đoạn việc buôn bán do sập mái lều quán.</li> <li>- Khâu vận chuyển hàng chưa kịp thời, do xa trung tâm, huyện lỵ, nên giá cả tăng cao gây khó khăn cho người dân.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư.</li> <li>- Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát, kiểm nghiệm.</li> <li>- Chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- Chưa có ý thức mua hàng “Người Việt dùng hàng Việt”.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân còn mua chịu, bị nợ đọng lâu năm, có khi mất vốn đầu tư.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 257 hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát, dọc theo đường trục chính chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán tỷ lệ 70%</li> <li>- Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn.</li> <li>- Có chế độ miễn giảm thuế khi có thiệt hại xảy ra.</li> <li>- Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BDKH.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn.</li> <li>- Có mối quan hệ với khách hàng tốt nên buôn bán phát triển thu nhập cao</li> <li>- Đa số các hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh</li> </ul>	- Lều quán sập đổ hư hỏng khi có thiên tai/ BDKH.	Trung bình
	<b>Cụm thôn 2</b> (Đông Tân, Quang Trung)	430 (Đông Tân: 229, Quang Trun g; 201)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buôn bán dịch vụ tại thôn chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ:</li> <li>- Không có quán ăn uống, giải khát ..</li> <li>- Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài và gián đoạn việc buôn bán do đường ngập lụt.</li> <li>- Vùng trũng vận chuyển hàng chưa kịp thời nên giá cả tăng cao</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 8 hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát, dọc theo đường trục chính chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán tỷ lệ 70%</li> <li>- Các hộ kinh doanh hàng tạp hóa thường bán tại nhà, có lều quán kiên cố.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p>	Hàng hóa có nguy cơ ẩm mốc cao do thời tiết lũ bão kéo dài, độ ẩm không khí	Thấp

			<p>gây khó khăn cho người dân.</p> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư.</li> <li>- Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát.</li> <li>- Chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân còn mua chịu bị nợ đọng có khi mất vốn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn.</li> <li>- Có chế độ miễn giảm thuế khi có thiệt hại xảy ra.</li> <li>- Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BĐKH.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn.</li> <li>- Có mối quan hệ với khách hàng tốt nên buôn bán phát triển thu nhập cao</li> <li>- Đa số các hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh</li> </ul>	<p>tăng cao.</p>	
--	--	--	---	---	------------------	--

**Ghi chú:** Quán hàng kinh doanh ăn uống, giải khát mở ra, nhưng thường bị lỗ vốn, có hộ phải bỏ nghề vì vốn nhỏ mà khách hàng chủ yếu là người bà con "chòm xóm" thường chây ỳ nợ dài hạn, khi có thiên tai bị thiệt hại xảy ra, mất tài sản không thể "đòi nợ" được.

#### 14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão; ngập lụt; Hạn hán; Rét hại</b>	<b>Cụm thôn 1</b> (Phú Xuân, Lê Giang, Lê Lợi)	843 (Phú Xuân 235, Lê Giang 331, Lê Lợi 277)	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2% người già không có tivi và radio.</li> <li>- Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo trong mùa mưa bão.</li> <li>- 20% hộ dân không tiếp cận được Internet.</li> <li>- Chưa có cụm loa di động tại thôn.</li> <li>- Thiếu phương tiện cảnh báo sớm.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên, thường truyền truyền khi có thông báo về thiên tai.</li> <li>- Có lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH vào các buổi họp dân, nhưng còn hạn chế.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 98% người dân sử dụng tivi, 80% có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin.</li> <li>- 90% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã</li> <li>- 80% tiếp cận được với Internet.</li> <li>- 80% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm có sửa chữa, khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn.</li> <li>- Đã truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về PCTT/BĐKH tuy nhiên chưa được nhiều, nhất là về BĐKH</li> <li>- Có đội xung kích thôn,</li> </ul>	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/ BĐKH	<b>Trung Bình</b>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa có các biển cảnh báo vùng nguy hiểm.</li> <li>- Cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm chưa được tập huấn nhiều, thời gian đầu tư còn ngắn.</li> <li>- Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT/BĐKH cho nhân dân còn hạn chế.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH</li> <li>- Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BĐKH - ít tham gia các cuộc họp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>khí cần có cả đội xung kích xã hỗ trợ giúp đỡ người dân vùng trũng sơ tán, di dời lịp thời.</li> <li>- Có 01 cán bộ làm công tác truyền thanh</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra.</li> <li>- 75% người dân quan tâm đến thông tin PCTT, BĐKH.</li> <li>- Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH.</li> </ul>		
<b>Cụm 2</b> Đông Tân, Quang Trung	430 (Đông Tân: 229, Quang Trung ; 201	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 5% người già không có ti vi và radio</li> <li>- Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo trong mùa mưa bão</li> <li>- 65% hộ dân không tiếp cận được Internet</li> <li>- Chưa có cụm loa di động tại thôn.</li> <li>- Thiếu phương tiện cảnh báo sớm</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên, thường truyền truyền khi có thông báo về thiên tai.</li> <li>- Chưa lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH vào các buổi họp dân</li> <li>- Chưa có các biển cảnh báo vùng nguy hiểm</li> <li>- Cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm nên đầu tư thời gian còn hạn hẹp</li> <li>- Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT/BĐKH cho nhân dân còn hạn chế.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 95% người dân sử dụng ti vi, 80% có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin.</li> <li>- 90% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã</li> <li>- 35% tiếp cận được với Internet.</li> <li>- 80% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm có sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn.</li> <li>- Đã truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về PCTT/BĐKH tuy nhiên chưa được nhiều, nhất là về BĐKH</li> <li>- Có đội xung kích thôn, khí cần có cả đội xung kích xã hỗ trợ giúp đỡ người dân vùng trũng sơ tán, di dời lịp thời.</li> <li>- Có 01 cán bộ làm công tác truyền thanh</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra.</li> </ul>	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH	<b>Trung Bình</b>



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số dân còn thờ ơ chưa quan tâm theo dõi thông tin của diễn biến thiên tai nên xảy ra một số trường hợp bị thương.</li> <li>- Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH</li> <li>- Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BĐKH - ít tham gia các cuộc họp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 75% người dân quan tâm đến thông tin PCTT, BĐKH.</li> <li>- Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH</li> </ul>		
--	--	--	---	--	--	--

**Ghi chú :** - Hệ thống truyền thanh xuống cấp, hư hỏng nặng, chưa có kinh phí để duy tu, bảo dưỡng thường xuyên nên thông tin dự báo không đến với người dân kịp thời. Đề nghị nâng cấp mới hệ thống loa truyền thanh, cấp âm ly di động, loa cầm tay cho 5 thôn.

### 15. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão; ngập lụt; Hạn hán; Rét hại	Toàn xã	1270	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân dân vùng trũng khi lụt thường bị chia cắt, trang thiết bị phục vụ cho PCTT còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác chỉ đạo và cứu hộ cứu nạn: Phao cứu sinh, áo phao, áo mưa, đèn pin, ủng đi mưa, ghe, thuyền, máy phát điện, máy cưa, băng cáng, bao thuốc cứu thương và kinh phí hậu cần.</li> <li>- Thiếu lực lượng trẻ, nhất là nam, để điều động ứng phó thiên tai kịp thời. Đội phản ứng nhanh thường xuyên biến động do đi làm ăn xa.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở thôn đã xây dựng KH PCTT (thực hiện theo KH PCTT của xã);nhưng chưa thường xuyên.</li> <li>- Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả.</li> <li>- Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, chưa được trang bị bảo hộ lao</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số nhà ở kiên cố trong đó có nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho người dân.</li> <li>- Có một trường tiểu học cao tầng là nơi có thể sơ tán nhân dân khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức, Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban PCTT thôn được củng cố kiện toàn hàng năm có 20 người, trong đó có 10 nữ.</li> <li>- Xã lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể và thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT. Có xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ.</li> <li>- Đã có phương án sơ tán những người già yếu, tàn tật, TE đến nơi an toàn.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, Ý thức:</b></p>	Ban PCTT và đội xung kích có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ do trang thiết bị chưa có đầy đủ	Trung Bình

		<p>động để đi làm nhiệm vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT chưa có.</li> <li>- Chưa có quy chế hoạt động của ban PCTT.</li> <li>- Chưa lồng ghép giới vào công tác PCTT.</li> </ul> <p><b>*Kiến thức, Ý thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số người dân còn thờ ơ, chủ quan.</li> <li>- Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu di dời.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 60% người dân biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi mùa mưa bão đến trong vòng 10 ngày.</li> <li>- Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng.</li> <li>- Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn.</li> </ul>		
--	--	---	---	--	--

**Ghi chú:-** Hệ thống truyền thanh xuống cấp, hư hỏng xã đã sửa chữa nhiều lần nhưng vẫn không đáp ứng được công tác truyền thông, dự báo, cảnh báo nên thông tin dự báo cảnh báo không đến với người dân kịp thời. Những năm gần đây qua hệ thống thông tin đại chúng các thông tin về RRTT/BĐKH ngày càng được người dân quan tâm hơn, một số người dân hiểu biết hơn về BĐKH.

### 16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Toàn xã</b>	1270	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 15% Phụ nữ làm chủ hộ, 2% phụ nữ đơn thân nên khi có thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa, kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao.</li> <li>- Có 90% phụ nữ không biết bơi, nhà ở gần sông, khi nước dâng cao lụt lớn, địa hình chia cắt dễ gặp rủi ro cao.</li> <li>- Phụ nữ ít được tập huấn về PCTT/BĐKH và ít tham gia trong các hoạt động PCTT nên thiếu kỹ năng trong ứng phó.</li> <li>- Một số nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình.</li> <li>- Nữ giới là người cao tuổi nhiều</li> <li>- Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, nữ ít tham dự tập huấn hơn nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác.</li> <li>- Đa số nam giới tích cực tham gia công tác PCTT, đã hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn.</li> <li>- Địa bàn thấp trũng khi có lụt bị chia cắt nên trước thiên tai phụ nữ thường được phân công truyền truyền động viên các hộ vùng nguy cơ cao đi sơ tán đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần. Nam giới chằng chống nhà cửa, tham gia cứu hộ cứu nạn</li> <li>- Trong gia đình nam giao quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn nhất là các hoạt động ứng phó với thiên tai được bàn bạc thống nhất.</li> <li>- Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi chằng chống nhà cửa,</li> <li>- Nam giới bị tai nạn lao động khi có thiên tai/ BĐKH.</li> </ul>	Cao

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nữ giới là người cao tuổi nhiều</li> <li>- Nam không tham gia các buổi tư vấn chăm sóc sức khỏe</li> </ul>		
<p><b>Ghi chú:</b> Qua đợt đánh giá tại cộng đồng thấy rằng nhận thức về PCTT/BĐKH của Nữ giới tốt hơn Nam giới vì Nữ giới thường xuyên tham gia các lớp tập huấn và tham gia các hoạt động XH còn Nam giới thường đi làm ăn xa .</p>					

## D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp.

### 1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

T	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Hệ thống truyền thanh xuống cấp hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai BĐKH và thiếu các biển cảnh báo ở các vùng nguy hiểm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh được xây dựng từ năm 1998, có 15 cụm loa, công suất là 450W. Đến năm 2012, được nâng cấp 35 cụm với công suất 1000W.</li> <li>- Hiện nay, đường dây và các cụm loa đã hư hỏng.</li> <li>- Các thôn chưa có âm li di động để tuyên truyền lưu động.</li> <li>- Chưa có biển cảnh báo, cảnh cáo vùng nguy hiểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng lâu năm, thiếu kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.</li> <li>- Đường dây truyền thanh phải đi chung với cột điện hạ thế và viễn thông</li> <li>- Nguồn thu của xã không cân đối được</li> <li>- Người dân có thu nhập thấp, khó khăn trong đóng góp</li> <li>- Có 4 điểm nguy hiểm của Đê Sông Cung không có biển cảnh báo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh có dây để đảm bảo công tác tuyên truyền, dự báo, cảnh báo thiên tai/BĐKH.</li> <li>- Mua sắm âm li di động cho 05 thôn để tuyên truyền lưu động khi thiên tai xảy ra.</li> <li>- Xây dựng các biển cảnh báo vùng nguy hiểm.</li> </ul>
2	Nhà ở bị tốc mái sập đổ, hư hỏng khi có thiên tai/BĐKH xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 357 nhà ở thiếu kiên cố ở vùng ven sông, chủ yếu là các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân có hoàn cảnh khó khăn</li> <li>- Có 5 nhà văn hóa thôn chưa kiên cố, nhỏ hẹp, không đảm bảo cho sinh hoạt cộng đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ có thu nhập thấp, thiếu lao động, không đủ kinh phí để xây dựng nhà ở kiên cố.</li> <li>- Xã đã quan tâm nhưng không đủ nguồn kinh phí để hỗ trợ vì đối tượng quá lớn.</li> <li>- Là một xã thuần nông, có 90% người dân sản xuất nông nghiệp có thu nhập thấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ xây nhà kiên cố cho các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.</li> <li>- Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, để tăng thu nhập cho người dân</li> <li>- Sơ tán, di dời người dân khỏi vùng nguy cơ cao và các hộ trong nhà ở không kiên cố đến nơi an toàn khi có lệnh</li> <li>- Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn.</li> </ul>
3	Mất mùa, giảm năng suất lúa và các loại hoa màu khi có thiên tai/BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 165 ha lúa và 25 ha hoa màu nằm ở vùng trũng ở Sông Cung</li> <li>- Năng lực của HTX nông nghiệp còn hạn chế, Chưa có chế tài trong hoạt động để quản lý vật tư nông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương 70% là kênh đất, thường xuyên bị bồi lấp, sạt lở, không đảm bảo tưới, tiêu</li> <li>- Quản lý thuốc BVTV và giống, phân bón còn hạn chế, người dân còn mua phải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, xây dựng hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới, tiêu cho cây lúa và hoa màu,</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT cho các hộ làm nông nghiệp. Đặc biệt quan tâm</li> </ul>

		<p>ngiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất cho sản xuất còn thiếu, cơ giới hóa chưa được nhiều.</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT chưa thường xuyên</li> </ul>	<p>vật tư nông nghiệp kém chất lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có đầu ra nên thu nhập người dân còn thấp.</li> <li>- Người dân còn thiếu vốn, thiếu kiến thức về sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>	<p>đến chi em phụ nữ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao năng lực cho HTX nông nghiệp để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho tiêu thụ sản phẩm .</li> </ul>
4	<p>Nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ của ban PCTT và độ xung kích do trang thiết bị cứu hộ , cứu nạn còn thiếu và bị hư hỏng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có ghe thuyền, khi bị ngập lụt không đảm bảo an toàn đi cứu hộ, cứu nạn</li> <li>- Thiếu phao cứu sinh</li> <li>- Thiếu các dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu</li> <li>- Một số dụng cụ đã bị hư hỏng nên không an toàn cho đội xung kích thực hiện nhiệm vụ khi có thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở vùng trũng gần Sông khi có triều cường thì nước Sông dâng cao gây ngập trên diện rộng , không có thuyền cho BCH PCTT và đội xung kích đi làm nhiệm vụ</li> <li>- Đội xung kích chưa được tập huấn kỹ năng, thiếu các trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, dụng cụ cứu hộ, dụng cụ sơ cấp cứu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua sắm thuyền cho đội CHCN , BCH PCTT để đi làm nhiệm vụ khi có thiên tai, BDKH xảy ra</li> <li>- Mua sắm trang thiết bị CHCN , phao cứu sinh, dụng cụ sơ cấp cứu.</li> <li>- Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích</li> <li>- Mua máy phát điện, ủng, đèn pin, Loa cầm tay...</li> </ul>
5	<p>Nuôi trồng thủy sản, giảm năng suất, mất trắng sản lượng khi có thiên tai, BDKH .</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 101 ha nuôi trồng thủy sản nằm sát đê Sông Cung (Trong đó có 50ha nằm ở ngoại đê) thường xuyên bị ảnh hưởng trực tiếp của triều cường.</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản chưa quy hoạch vùng tập trung, chuyên canh; Bờ bao chủ yếu được làm bằng đất.</li> <li>- Nuôi thâm canh nên chưa có trang thiết bị để phục vụ công tác nuôi trồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống qua Đê được xây dựng từ năm 1960 đã xuống cấp, không đảm bảo được điều tiết nước.</li> <li>- Nguồn giống và thức ăn trôi nổi</li> <li>- Chưa có đầu ra để tiêu thụ sản phẩm, giá cả không ổn định, còn phụ thuộc vào thương lái.</li> <li>- Người dân còn chưa được tập huấn KHKT, chủ yếu nuôi theo kinh nghiệm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch vùng chuyên canh NTTS theo hướng công nghiệp ,</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT cho người nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Nâng cấp hệ thống cống Qua đê để điều tiết nước cho NTTS.</li> <li>- Liên kết các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.</li> </ul>
6	<p>Ô Nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai/BDKH xảy ra</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa phương chưa có nhà máy xử lý rác thải.</li> <li>- Các hộ gia đình chăn nuôi, lò mổ, trang trại, chưa có hệ thống xử lý môi trường, thải chất thải trực tiếp ra ngoài môi trường.</li> <li>- Nghĩa trang, nghĩa địa chưa được quy hoạch, còn chôn cất theo tập quán của địa phương.</li> <li>- Người dân còn vứt rác bừa bãi chưa phân loại rác thải.</li> <li>- Chưa có hệ thống thoát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa quy hoạch điểm tập kết và xử lý rác thải phù hợp</li> <li>- Hộ chăn nuôi chưa có hầm biogas .</li> <li>- Chưa có thùng rác nơi công cộng.</li> <li>- 40% nhà vệ sinh chưa đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Các hộ còn vứt rác bừa bãi ra môi trường, kênh mương và sông ngòi.</li> <li>- Có bể chứa bao bì thuốc BVTV nhưng người dân chưa có ý thức tập kết, vẫn còn vứt rác bừa bãi</li> <li>- Khu dân cư ngay từ đầu đã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch điểm tập kết và xử lý rác thải</li> <li>- Mua sắm các thùng rác nơi công cộng</li> <li>- Hỗ trợ kinh phí làm hầm Biogas cho các hộ chăn nuôi. Làm nhà vệ sinh cho các hộ gia đình khó khăn;</li> <li>- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về VSMT và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm về VSMT</li> <li>- Xây dựng hệ thống thoát nước trong các khu dân cư</li> </ul>

		nước trong các khu dân cư	không được quy hoạch rãnh thoát nước	
7	Hệ thống đê sông cung bằng đất, nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên.	- Xã có 3 km đê Sông Cung bị xuống cấp - Mặt đê đã sạt lở nhiều đoạn, chân đê bị sạt lở, có nhiều tổ mối..	- Đê dọc theo sông Cung chưa được kè kiên cố. - Diện tích đất nuôi trồng thủy sản nằm sát chân Đê - Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ Đê.	- Nâng cấp hệ thống Đê sông Cung (kè đá) và bê tông hóa mặt Đê để đảm bảo an toàn cho ng dân khi có thiên tai và BĐKH xảy ra

## 2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
An toàn với người dân và cộng đồng	Sơ tán di dời người dân vùng nguy cơ cao, và các hộ trong nhà không kiên cố đến nơi an toàn khi có lệnh	Người dân vùng nguy cơ cao và các nhà đơn sơ, thiếu kiên cố	1. Hỗ trợ sơ tán cho đối tượng DBTT	x		100		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		100		
			3. Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		50	50	
			4. Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		50	50	
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	Nâng cấp xây dựng nhà văn hóa của 5 thôn để đảm bảo cho sinh hoạt cộng đồng và làm nơi sơ tán cho người dân vùng nguy cơ cao	Người dân toàn xã	1. Lập đề án xây dựng nhà văn hóa thôn	x		100		
			2. Vận động nguồn lực tức các nguồn và người dân	x	x	100		
			3. Tiến hành xây dựng nhà văn hóa thôn		x	20	30	30
			4. Giám sát thực hiện		x	100		
	Nâng cấp xây dựng hệ thống công qua Đê để điều tiết nước cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất Nông nghiệp	Người dân toàn xã	1. Lập tờ trình đề nghị nâng cấp hệ thống công qua Đê	x		100		
			2. Nâng cấp xây dựng hệ thống công qua Đê		x			100
			3. Điều tiết nước cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất Nông nghiệp		x	50	50	
	Nâng cấp hệ thống đường điện sinh hoạt để đảm bảo khi có thiên tai/BĐKH xảy ra.	Người dân toàn xã	1. Lập tờ trình kiến nghị nâng cấp hệ thống điện sinh hoạt cho người dân	x		100		
			2. Tiến hành nâng cấp hệ		x			100

		thống Điện						
	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư	Người dân toàn xã	1. Lập đề án	x		100		
			2. Tiến hành Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư		x		30	70
	Nâng cao hệ thống Đê Sông Cung để đảm bảo an toàn cho người dân khi có thiên tai và BĐKH xảy ra.	Người dân toàn xã	4. Lập tờ trình đề nghị nâng cấp hệ thống Đê Sông Cung	x		100		
			5. Nâng cấp xây dựng hệ thống Đê Sông Cung		x			100
Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà kiên cố cho các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi.	Hộ dân khó khăn được xây nhà	1. Vận động nguồn lực hỗ trợ xây nhà	x		100		
			2. Tiến hành xây dựng nhà kiên cố	x		10	20	70
			3. Kiểm tra giám sát	x		100		
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Xây dựng tường bao hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt để đảm bảo VSMT; mua sắm thêm các thùng rác công cộng cho các thôn	Người dân toàn xã	1. Xây dựng tường bao hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt		x	50		50
			2. Mua sắm các thùng rác công cộng cho các thôn	x				100
	Hỗ trợ làm hầm biogas cho các hộ chăn nuôi và làm nhà vệ sinh cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn.	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x		30	20	50
			2. Hỗ trợ hộ chăn nuôi làm hầm bioga	x		80	20	
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT /BĐKH , chăm sóc sức khỏe và VSMT , xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm VSMT.	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	50%	50%	
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích		x			100%
			4. Diễn tập PCTT	x		30%	20%	50%
			5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50%	50%	
			6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x		30%	20%	50%

	Xây dựng hệ thống truyền thanh có dây, biển báo cảnh báo, âm li di động cho 5 thôn để đảm bảo thông tin DBCB	Người dân toàn xã	1. Đầu tư xây dựng hệ thống truyền thanh có dây từ xã đến 5 thôn	x	x	25		75
			2. Mua sắm máy phát điện để sử dụng cho truyền thanh dự báo cảnh báo khi mất điện.	x	x			100
			3. Mua 5 bộ âm ly di động cho 5 thôn để tổ chức truyền thanh lưu động, dự báo cảnh báo khi có thiên tai	x	x			100
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Mua sắm thuyền, trang thiết bị CHCN cho BCHPCTT VÀ đội xung kích đi làm nhiệm vụ khi có thiên tai /BĐKH xảy ra	Đội xung kích xã và các thôn	1. Củng cố kiện toàn đội xung kích của xã/thôn	x		100		
			2. Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu cho đội xung kích	x		50		50
			3. Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích thôn/xã để làm nhiệm vụ	x		100		
Trồng trọt	Tập huấn chuyển giao KHKT về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho người dân trong toàn xã	Người dân trồng trọt và chăn nuôi	1. Tập huấn cho các hộ trồng trọt	x		70	30	
			2. Tập huấn cho các hộ chăn nuôi	x		70	30	
			3. Tập huấn cho các hộ nuôi trồng thủy sản	x		70	30	
	Nâng cao năng lực cho HTX nông nghiệp để quản lý vật tư nông nghiệp. Tạo đầu ra cho tiêu thụ sản phẩm lúa, hoa màu, sản phẩm, thủy sản.	Người dân toàn xã	1. Nâng cao năng lực cho HTX	x		100		
			2. Liên hệ với các siêu thị, nhà hàng để bao tiêu sản phẩm		x	100		
			3. Thu mua thủy sản, nông sản tạo đầu ra cho người dân		x	100		
Thủy sản	Quy hoạch vùng chăn nuôi thủy sản theo hướng công nghiệp. Vận động các doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản.	Người dân nuôi trồng thủy sản	1. Quy hoạch vùng chuyên canh thủy sản	x		100		
			2. Lập đề án phát triển nuôi trồng thủy sản	x		100		
			3. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh nông nghiệp cao	x	x		50	50
Lĩnh vực khác	Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu	Người dân toàn	1. Tập huấn đào tạo các ngành nghề cho người dân	x		50		50

việc làm để tăng thu nhập cho người dân. Đặc biệt là chị em phụ nữ.	xã và chị em phụ nữ	đặc biệt là phụ nữ					
		2. Giới thiệu việc làm	x		100		
		3. Hỗ trợ tạo nghề phụ tại chỗ cho chị em phụ nữ để tăng thu nhập	x	x	30		70

**3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã Hằng Đông**

(Bà Chu Thị Xuân phó chủ tịch HĐND)

Báo cáo đánh giá rất dài, đánh giá đầy đủ mọi mặt về xã Hoàng Đông, cơ bản thống nhất với báo cáo, tuy nhiên ở phần đánh giá về trường học cho rằng trường học đã kiên cố nhưng hiện nay thực trạng trường mầm non đã xuống cấp, học sinh phải học ghép vì thiếu phòng học, các phòng đa năng cũng đã xuống cấp. Đề nghị xem lại phần này trong báo cáo.

**4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã Hoàng Đông**

(Ông Nguyễn Văn Phán phó bí thư thường trực Đảng ủy xã)

- Nhất trí như báo cáo, đặc biệt tâm đắc với là 13 rủi ro, phân tích nguyên nhân để có 16 giải pháp rất đúng với thực tế của xã Hoàng Đông.

- Chỉ 8 ngày tập huấn đánh giá nhưng báo cáo rất đầy đủ chi tiết, tôi hoàn toàn nhất trí với báo cáo, đây là kiến thức cơ bản về PCTT, TUBĐKH, nhưng cũng là tổng hợp rất đầy đủ bức tranh tổng thể về xã. Các số liệu tổng hợp này rất có ích cho UBND xã để lưu trữ sử dụng cho nhiều hoạt động khác nhất là trong lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm, nhóm HTKT phải cập nhật thường xuyên để tham mưu cho UBND xã.

- Sau tập huấn đề nghị nhóm HTKT và nhóm cộng đồng tham mưu cho xã để truyền truyền cho người dân về PCTT/BĐKH

- BĐKH đang là vấn đề nóng của thế giới, xã Hoàng Đông đang chịu ảnh hưởng trực tiếp như vấn đề đê bị sạt lở, nguy cơ vỡ đê; vấn đề đồng đất ven biển bị nhiễm phèn, nhiễm mặn ngày càng nhiều ... rất cần sự quan tâm mang tính bền vững của dự án, mong dự án tiếp tục chia sẻ những khó khăn và giúp đỡ địa phương

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã  
TM UBND Xã Hoàng Đông  
(đã ký)**

**Trương Khắc Đạt**

**D. Phụ lục**

**Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá:**

TT	Họ và tên	Nữ	Nam	Chức danh	Số điện thoại
1	Trương Khắc Đạt		x	Phó chủ tịch UBND	0975790284
2	Nguyễn Đình Hưng		x	VP thống kê	0978356372
3	Trương Thị Tý	x		Cán bộ chính sách	0985249536
4	Trương Thị Nhài	x		LĐTBXH	
5	Trương Việt Bắc		x	Cán bộ văn hóa	0984091375



6	Cao Xuân Hường		x	Giám đốc HTX	0973766401
7	Nguyễn Đăng Hải		x	Hội nông dân	01639039958
8	Lữ Thị Quyên	x		PCT phụ nữ	0987581311
9	Nguyễn Thị An	x		Cán bộ địa chính	0976299291
10	Nguyễn Thị Chuyên	x		Văn phòng ủy ban	0989792464
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5 nữ</b>	<b>5 nam</b>		

**Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**

**KẾ HOẠCH THỰC ĐỊA ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI - LẬP KẾ HOẠCH PCTT**

**Xã Hoàng Đông, Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Từ ngày 29/11 đến 02/12 năm 2018**

**Ngày thứ nhất : 29/11/2018 Thu thập thông tin (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)**

**Buổi sáng: Từ 7: 30 đến 11:00 tổ chức họp dân ở 2 cụm thôn**  
 - Cụm thôn 1 gồm 3 thôn: **Phú Xuân, Lê Giang và Lê Lợi** Địa điểm họp tại nhà văn hóa **thôn Lê Giang**  
 - Cụm thôn 2 gồm 2 thôn: **Đông Tân và Quang Trung**. Địa điểm họp tại nhà văn hóa **thôn Đông Tân**

**\*Thành phần mời:**  
 - **Cụm thôn 1: 30** người trong đó **mỗi thôn mời 10 người** là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương (Thôn Phú Xuân mời 1 phụ nữ làm chủ hộ; và 1 người nghèo. Thôn Lê Lợi mời 1 phụ nữ đơn thân, 1 người cao tuổi, Thôn Lê Giang mời 1 người cao tuổi, một người khuyết tật) Các thôn mời người dân phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.  
 - **Cụm thôn 2: 30** người: **mỗi thôn mời 15 người** là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương (**Thôn Đông Tân** mời 1 người cao tuổi; 1 người khuyết tật, 1 phụ nữ đơn thân . **Thôn Quang Trung** mời 1 người phụ nữ làm chủ hộ, 1 người cao tuổi, 1 người Nghèo) Các thôn mời người phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

**\*Công việc thực hiện:** (Sau phần giới thiệu chia nhóm thực hiện các công cụ và chia nhóm theo thôn để thu thập thông tin phần C của báo cáo)

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính		Kết quả mong đợi
		Cụm 1	Cụm 2	
1	Giới thiệu thành phần, mục đích yêu cầu và chương trình làm việc của nhóm đánh giá tại thôn	A. Hung	A. Đạt	Người dân hiểu được mục đích yêu cầu và chương trình làm việc
2	Thu thập thông tin bổ sung cho công cụ lịch sử thiên tai, lịch theo mùa của xã.	C. An C. Chuyên	A.Hải, C.Quyên	Công cụ lịch sử thiên tai, lịch theo mùa được bổ sung nhiều thông tin
4	Kiểm chứng vùng nguy cơ cao của các loại hình thiên tai và khu vực an toàn trên sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai của xã.	A. Hường,	A Bắc	Sơ họa bản đồ RRTT, bảng tổng hợp thông tin sơ họa bản đồ được bổ sung đầy đủ thông tin
5	Chia 2 nhóm thu thập thông tin (bổ sung thông tin vào phần C của cụm thôn theo báo cáo đánh giá của dự án GCF)	Toàn nhóm (Mỗi nhóm có 2 người phụ trách)	Toàn nhóm (Mỗi nhóm có 2 người phụ trách)	Phần C báo cáo đánh giá của cụm thôn được bổ sung đầy đủ thông tin

**Buổi chiều: Từ 14: 00 đến 17:00** Nhóm đánh giá làm việc tại hội trường UBND xã Hoàng Đông để chuẩn bị nội dung cho họp dân lần 2

- Tổng hợp, rà soát lại thông tin phần C của **các thôn**
- Tổng hợp RRTT/RRBĐKH của từng thôn, của xã và chuẩn bị bảng xếp hạng RRTT/RRBĐKH (Công cụ 7) của xã.
- Kẻ bảng phân tích nguyên nhân, bảng xếp hạng giải pháp PCTT /TUBĐKH (Công cụ 8).
- Kẻ bảng phân tích kịch bản BĐKH để thảo luận với người dân
- Kẻ bảng phân tích Giới để thảo luận với người dân
- Dự thảo báo cáo đánh giá theo mẫu của dự án

**Ngày thứ hai: 30/11/2018 Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/TUBĐKH**

**Buổi sáng:** Từ 7:30 đến 11:00 - Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng RRTT/RRBĐKH, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/TUBĐKH và xếp hạng giải pháp. **Địa điểm:** Hội trường UBND xã Hoàng Đông

**Thành phần mời:** Mời đại diện 30 người dân của 5 thôn (mỗi thôn 6 người) là những người đại diện ban mặt trận xã và các thành phần kinh tế, sống lâu trong địa phương; những người đã tham gia cung cấp thông tin ở lần họp thứ nhất. Có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

**Công việc thực hiện:**

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính	Kết quả mong đợi
1	Thảo luận kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân	C. Quyên, A. Hường	Bảng thảo luận kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân được hoàn thành
2	Thông qua bảng tổng hợp RRTT/RRBĐKH và xếp hạng RRTT/RRBĐKH (Công cụ 7)	A.Bắc, C. An	Bảng xếp hạng RRTT/RRBĐKH hoàn thành
3	Lựa chọn 5 - 7 RRTT/RRBĐKH ưu tiên để thảo luận phân tích nguyên nhân, Xác định giải pháp PCTT /TUBĐKH (Công cụ 8)	A. Đạt, A. Hưng	Bảng phân tích nguyên nhân hoàn thành
4	Xếp hạng giải pháp PCTT/TUBĐKH	A.Hải, C. Chuyên	Bảng xếp hạng các giải pháp PCTT/TUBĐKH hoàn thành
5	Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH -DVCD theo mẫu của dự án	C Tý và C. Nhài	Hình thành khung báo cáo đánh giá RRTT-DVCD nhập đủ thông tin phần A và B và sơ lược phần C

**Buổi chiều:** Từ 14:00 đến 17:00 - Nhóm đánh giá tập trung tại hội trường UBND xã để tổng hợp thông tin của thôn/ xã và chuẩn bị cho họp dân lần 3 kiểm chứng thông tin gồm các bảng sau:

- Tổng hợp thông tin vào các công cụ đánh giá và tổng hợp thông tin vào phần C của báo cáo cho các thôn
- Kê bảng xếp hạng RRTT/BĐKH (Công cụ 7) của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Bổ sung thông tin vào bảng phân tích nguyên nhân (Công cụ 8) của xã để kiểm chứng
- Kê bảng xếp hạng giải pháp PCTT của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Xác định các hoạt thực hiện giải pháp PCTT (công cụ 9) để kiểm chứng
- Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH -DVCD theo mẫu của dự án

**Ngày thứ ba: 01 /12/2018 kiểm chứng thông tin**

**Buổi Sáng:** Từ 7:30 đến 11:00 Họp kiểm chứng thông tin tại hội trường UBND xã Hoàng Đông

**Thành phần mời:** 30 người dân của 5 thôn Mỗi thôn 6 người (Đại diện hộ dân vùng nguy cơ cao, các hộ ở các ngành nghề khác nhau và đại diện đối tượng DBTT (hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ đơn thân) Đảm bảo có 50% phụ nữ của các thôn

**Lưu ý:** Đại diện hộ dân là những người chưa tham gia các lần họp trước.

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

<b>TT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Người chịu trách nhiệm chính</b>	<b>Kết quả mong đợi</b>
1	Kiểm chứng kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân	C. Quyên, A. Hùng	Kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân Được bổ sung thông tin
2	Kiểm chứng và xếp hạng các RRTT/RRBĐKH	A.Bắc , C. An	Bảng tổng hợp xếp hạng RRTT/RRBĐKH của xã được hoàn thành
3	Kiểm chứng phân tích nguyên nhân RRTT/ RRBĐKH và bổ sung thông tin về phân tích nguyên nhân.	B. Đạt, A. Hùng	Bảng tổng hợp phân tích nguyên nhân của xã được hoàn thành và bổ sung nhiều thông tin
4	Xếp hạng các giải pháp PCTT/TUBĐKH và Kiểm chứng các hoạt động thực hiện giải pháp ưu tiên đề đưa vào kế hoạch	A.Hải, C. Chuyên	Bảng xếp hạng giải pháp PCTT/TUBĐKH của xã được hoàn thành và bảng tổng hợp hoạt động thực hiện giải pháp PCTT/TUBĐKH (công cụ 9) được hoàn thành
5	Chia nhóm theo cụm thôn bổ sung thông tin về phần C của báo cáo đánh giá	Toàn nhóm (Mỗi cụm thôn 2 người phụ trách)	Phần C của 2 thôn được bổ sung nhiều thông tin
6	Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH - DVCĐ	C Tỷ và C. Nhài	Hoàn thành dự thảo phần C của báo cáo cho từng thôn

**Buổi chiều: Nhóm HTKT tập trung tại hội trường UBND xã Hoàng Đông**

- Dựa vào kết quả họp thôn đề rà soát, chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo đánh giá. Hoàn thiện báo cáo đánh giá và thông qua nhóm HTKT để toàn nhóm bổ sung hoàn chỉnh báo cáo. (gửi trước dự thảo báo cáo cho lãnh đạo)
- Chuẩn bị nội dung cho cuộc họp thông qua lãnh đạo: Đảng ủy, HĐND, UBND, và các ban ngành đoàn thể của xã

**Ngày thứ tư: 02/12/2018 Họp với lãnh đạo và ban ngành đoàn thể của xã**

**Buổi sáng: Từ 7:30- 11:30 họp tại hội trường UBND xã Hoàng Đông**

**Thành phần mời: Lãnh đạo UBND xã và đại diện các ban ngành đoàn thể của xã**

**Công việc thực hiện:**

<b>TT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Người chịu trách nhiệm chính</b>	<b>Kết quả mong đợi</b>
1	Giới thiệu thành phần và mục đích yêu cầu	Anh Đạt PCT UBND trưởng nhóm HTKT	Đại biểu hiểu được mục đích yêu cầu của buổi họp
2	Báo cáo kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá tại các thôn	Giảng viên	Đại biểu biết được kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá RRTT-DVCĐ để có được báo cáo đánh giá
3	Trình bày tóm tắt báo cáo đánh giá RRTT-DVCĐ theo mẫu của dự án GCF	Anh Đạt PCT UBND trưởng nhóm HTKT	Đại biểu nắm được nội dung chính của báo cáo đánh giá
4	Lãnh đạo xã và các thành phần tham dự đóng góp ý kiến vào báo cáo đánh giá	Lãnh đạo và đại diện các ban ngành đoàn thể	Lãnh đạo và các đại biểu đóng góp nhiều ý kiến bổ sung cho báo cáo và thông qua báo cáo
5	Phát biểu kết luận của lãnh đạo xã	Đại diện lãnh đạo xã	Ý kiến kết luận được đưa vào báo cáo đánh giá

**Buổi chiều: Nhóm đánh giá căn cứ góp ý của lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo đánh giá. và bộ công cụ thực hiện đánh giá.**

**PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG XÃ HOÀNG ĐÔNG**

**Công cụ 2: Lịch sử thiên tai xã Hoàng Đông :**

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại ( ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
8/2007	Bão và hoàn lưu của bão	- Gió giật cấp 12, cấp 13 kèm theo mưa to , không theo quy luật.	Toàn xã	<p><b>1. ATCD</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 25 nhà bị sập</li> <li>- 208 nhà bị tốc mái, hư hỏng.</li> <li>- 2450 km đường giao thông hư hỏng nặng</li> <li>- 710 m Đê bị sạt lở</li> </ul> <p><b>2. SX – KD</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 165 ha Lúa bị mất và nhiễm mặn.</li> <li>- 105 ha đất nuôi trồng thủy sản bị mất trắng</li> <li>- 42 ha cây hoa màu bị mất trắng</li> <li>- 07 km kênh mương tưới, tiêu bị vùi lấp.</li> <li>- 18.000 con gia súc, gia cầm bị chết và cuốn trôi.</li> </ul> <p><b>3, Vệ sinh môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường bị ô nhiễm nặng ( nước, không khí)</li> <li>- 420 cây xanh bị đổ, quật ngã.</li> </ul> <p><b>* Tổng thiệt hại ước tính: 37.8 tỷ đồng</b></p>	<p><b>1. Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thiếu kiên cố</li> <li>- Hệ thống Đê làm bằng đất , kết cấu chưa đảm bảo.</li> <li>- Nhiều tuyến đường nội thôn, nội đồng bị hư hỏng nặng.</li> <li>- Bờ bao bằng đất</li> <li>- Lúa nằm trong vùng trũng là chủ yếu.</li> <li>- Đường giao thông được xây dựng trên nền đất yếu dễ hư hỏng.</li> <li>- Chuồng trại chưa kiên cố, chưa theo quy hoạch, chăn nuôi nhỏ lẻ.</li> </ul> <p><b>2. Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Một số hộ dân ý thức chưa cao, còn chủ quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước bão cần tích cực tuyên truyền cho người dân chủ động phòng chống bão lụt.</li> <li>- Huy động nhân lực, vật lực để di dời người và tài sản.</li> <li>- Quy hoạch đầu tư xây dựng phù hợp.</li> <li>- Thông tin, dự báo kịp thời.</li> <li>- Tập hợp và điều động tốt lực lượng hộ Đê.</li> <li>- Mở Cống qua Đê để tiêu úng kịp thời.</li> <li>- Thu hoạch thủy sản sớm, chuyển đổi con giống phù hợp.</li> <li>- Chăng, chống trang trại, gia trại . Di chuyển gia súc, gia cầm đến nơi cao ráo khi có bão lụt.</li> </ul>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

12/2010	Rét đậm, rét hại	- Rét kéo dài, rét càng nhiều nhiệt độ xuống thấp dưới 10 <sup>0</sup>	Toàn xã	<p><b>* Trồng trọt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 41 ha cây lạc không lên mầm, không phát triển.</li> <li>- 160ha cây lúa mới cấy bị chết . ước tính thiệt hại khoảng 22 tỷ đồng.</li> <li>- 15 ha cây hoa màu bị dập nát, ước tính thiệt hại: 300 triệu.</li> <li>- Người già, trẻ em mắc bệnh đường hô hấp, ô nhiễm môi trường.</li> </ul> <p><b>* Chăn nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 30.000 con gia súc bị dịch bệnh , chết. (3000 con lợn, 100 con bò). Ước tính thiệt hại 5 tỷ đồng</li> </ul> <p><b>* Nuôi trồng thủy sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 101 ha NTTS bị mất trắng, sản lượng thiệt hại ước tính 8 tỷ.</li> </ul> <p><b>* Vệ sinh môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường bị ô nhiễm nặng ( nước, không khí ...) ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng. ,</li> </ul> <p><b>* Tổng thiệt hại ước tính: 41,3 tỷ đồng</b></p>	<p><b>* Trồng trọt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các diện tích cây trồng như: Lúa, lạc, hoa màu còn manh mún , nhỏ lẻ.</li> <li>- hệ thống kênh mương, tưới tiêu chưa chủ động, còn phụ thuộc vào thiên nhiên.</li> <li>- Thiếu các trang thiết bị, máy bơm nước phục vụ sản xuất.</li> <li>- Cơ cấu giống lúa không đồng bộ.</li> <li>- Lịch gieo cấy chưa đúng theo thời vụ.</li> </ul> <p><b>* Chăn nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh,</li> <li>- Công tác tiêm phòng dịch bệnh còn hạn chế, còn thiếu kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi.</li> <li>- Cơ giống và thức ăn chăn nuôi trôi nổi, chưa rõ nguồn gốc.</li> </ul> <p><b>* Nuôi trồng thủy sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Còn thiếu kỹ thuật nuôi trồng</li> <li>- Thiếu kinh phí đầu tư cho hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật.</li> <li>- Đa số các hộ đều sử dụng giống chưa ó nguồn gốc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường công tác Tuyên truyền cho người dân hiểu để phòng chống rét.</li> <li>- Đốt củi sưởi ấm</li> <li>- Bơm nước cao, sử dụng bè để chống rét cho nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Tăng cường dự trữ thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm.</li> <li>- Tuyên truyền không cho gia súc ra ngoài trời.</li> <li>- Bơm nước giữ ấm cho cây lúa, hoa màu.</li> <li>- Sử dụng giống chất lượng cao, có nguồn gốc, để nâng cao sức chống chịu trước thời tiết.</li> </ul>
7/2017	Ngập lụt	Mưa to, ngập lụt diện rộng, thường xuyên xảy ra mực nước cao hơn diện tích rộng, thời gian kéo dài	Toàn xã	<p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 325 hộ có nhà bị ngập nước tị 03 thôn (Lê Lợi, Lê Giang và Phú Xuân)</li> <li>- Các tuyến đường bị sạt lở 3,0 km.</li> </ul> <p><b>* Sản xuất kinh doanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng trọt cây lúa : 124 ha bị giảm năng suất 80%.</li> <li>- Cây hoa màu : 42 ha bị thiệt hại; ước tính bị thiệt hại 70%</li> <li>- Thủy sản ngập thiệt hại 95% sản lượng/105ha</li> <li>- Kênh mương bị hư hỏng 3,7 km.</li> <li>- 9.500 con gia súc, gia cầm bị chết .</li> </ul> <p><b>* Sức khỏe vệ sinh môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các giếng khoan đào bị ngập, giếng khoan bị hư hỏng hoàn toàn.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình thấp</li> <li>- Hệ thống Đê Sông Cung qua xã làm bằng đất, thiếu kiên cố, bị tràn đê.</li> <li>- Chưa hệ thống máy bơm để tiêu úng</li> <li>- Bờ ao, đê thấp bằng đất thiếu các trang thiết bị phục vụ thủy sản</li> <li>- Diện tích lúa của các vùng trũng bị ngập thu hoạch không kịp thời.</li> <li>- Chưa vận động được kinh phí để đầu tư, kiên cố hóa kênh mương.</li> <li>- Diện tích trồng trọt còn manh mún, nhỏ lẻ.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền chưa rộng rãi, chưa đến kịp người dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền công tác Vớt bè, khơi thông dòng chảy phục vụ sản xuất</li> <li>- Làm tốt công tác nhân lực, vật lực. Tổ chức công tác PCTT</li> <li>- Chuẩn bị máy và và một số công để thoát nước vào mùa mưa.</li> <li>- Vận động nhân lực và thuê máy đắp, khắc phục hệ thống nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Chuẩn bị tốt phương châm bốn tại chỗ trong công tác PCTT.</li> <li>- Vận động người dân di dời đến nơi trú ẩn an toàn.</li> <li>- Khuyến cáo thu hoạch diện tích lúa, hoa màu đến thời kỳ thu hoạch.</li> </ul>

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

				- Nguồn nước bị ô nhiễm, các dịch bệnh xảy ra sau lũ lụt như dịch tả, sốt xuất huyết. <b>Ước tính thiệt hại</b> :5,7 tỷ đồng	<b>* Nhận thức kinh nghiệm</b> - Nhận thức của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế. - Người dân còn chủ quan, chưa đắp bờ bao dẫn đến bị thiệt hại nặng nề về thủy sản. - Người dân chưa chủ động đi sơ tán.	- Tuyên truyền cho người dân tích cực tham gia xử dụng nguồn nước sạch, che chắn chuồng trại, lựa chọn ocn giống rõ nguồn gốc.
6/2018	Hạn hán	Nắng, nóng kéo dài, nhiệt độ cao 40-42°C và ngày càng gia tăng.	Toàn xã	<b>* Trồng trọt:</b> - 42 ha cây lúa mới cấy bị chết . ước tính thiệt hại khoảng 6,2tỷ đồng. - 20,5ha cây lạc bị thối Củ, ước tính thiệt hại: 1,5 triệu. . <b>* Chăn nuôi:</b> - 16.000 con gia súc bị dịch bệnh , chết. (1200 con lợn). Ước tính thiệt hại 2,1 tỷ đồng <b>* Nuôi trồng thủy sản:</b> - 40,0 ha NTTS bị mất trắng, sản lượng thiệt hại ước tính 20,0 tỷ. <b>* Tổng thiệt hại ước tính: 23,6 tỷ</b>	<b>* Trồng trọt:</b> - Hệ thống kênh mương bằng đất; tưới tiêu chưa chủ động, còn phụ thuộc vào thiên nhiên. - Thiếu kinh phí để đầu tư các trang thiết bị, máy bơm nước phục vụ sản xuất. - Chưa có hồ/đầm để dự trữ nước tưới. - Cây giống chống chịu kém. <b>* Chăn nuôi:</b> - Chuồng trại chăn nuôi chưa kiên cố, thoáng mát, chưa đảm bảo vệ sinh - Công tác tiêm phòng dịch bệnh còn hạn chế, còn thiếu kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi. - Con giống và thức ăn chăn nuôi trôi nổi, chưa rõ nguồn gốc. <b>* Nuôi trồng thủy sản:</b> - Còn thiếu kỹ thuật nuôi trồng - Thiếu kinh phí đầu tư cho hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật.	- Tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân chủ động cấy đúng thời vụ và dự trữ nước cho cây trồng. - Thường xuyên cấp nước để giữ ẩm cho cây trồng, - Gieo trồng Lạc theo đúng kỹ thuật, thu hoạch đúng thời vụ để tránh thiệt hại. - Xây dựng chuồng trại thoáng mát, khô ráo. - Luôn luôn giữ vệ sinh chuồng trại - Khuyến cáo cho người dân trồng cây xanh quanh chuồng trại.

**Công cụ 3: Lịch theo mùa xã Hoàng Đông:**

Thiên tai	Tháng (Dương lịch)												Xu hướng của thiên tai		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
<b>Bão</b>													Diễn ra bất thường và cường độ ngày càng mạnh		
<b>Lũ</b>													Diễn biến bất thường và cường độ ngày càng nhiều hơn		
<b>Rét đậm, rét hại</b>													Nhiệt độ xuống thấp dưới 10 <sup>0</sup> c, kéo dài hơn		
<b>Hoạt động KT- XH</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	<b>Ảnh hưởng của thiên tai</b>	<b>Tại sao ? ( đánh giá TTDBTT)</b>	<b>Kinh nghiệm PCTT (NLPCTT)</b>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Nông nghiệp: - Trồng lúa 2 vụ, phụ nữ Tham gia 70%. Tổng diện tích :124 ha</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ xuân: gặp rét chết mạ và lúa mới cấy.</li> <li>- Vụ mùa: gặp bão, lụt bị giảm năng suất và mất mùa</li> <li>- Kênh mương bị sạt lở, không đảm bảo tưới tiêu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích đất trồng lúa nằm ở vùng trũng, manh mún không tập trung.</li> <li>- Công tác chăm sóc chưa đồng bộ.</li> <li>- Sản xuất lúa tự cung tự cấp, chưa sản xuất hàng hóa.</li> <li>- Thuốc BVTV , giống trôi nổi nên người dân mua thuốc và giống còn kém chất lượng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương tưới tiêu kiên cố (50%)</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT, thực hiện theo lịch thời vụ.</li> <li>- Người dân có kinh nghiệm thâm canh cây lúa</li> </ul>
<p>Trồng màu: tổng diện tích 42,0 ha. Nữ 70% - Nam 30%</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rét đậm, rét hại chết cây màu, không cho thu nhập</li> <li>- Bão, lụt: cây hoa màu bị ngập úng, dập nát không cho thu nhập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích sản xuất manh mún, xen canh, xen cư.</li> <li>- Cách chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây màu chưa đảm bảo quy trình kỹ thuật.</li> <li>- Có 30% sản xuất theo hàng hóa nhưng chưa đạt tiêu chuẩn VietGap</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích trồng màu 71% sản xuất hàng hóa ( măng tây, ngô ngọt, khoai tây, ớt, xu hào, bắp cải).</li> <li>- Áp dụng tiến bộ KHKT do trạm khuyến nông và các công ty liên doanh liên kết tạo đầu ra ổn định.</li> </ul>
<p>Chăn nuôi - Gia súc: 3000 con - Gia cầm: 29.500 con Nữ 70% Nam 30%</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rét đậm, rét hại: gia cầm bị dịch bệnh .</li> <li>- Bão lụt: bị chết làm giảm thu nhập của người dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 30% chuồng trại của các gia đình chưa kiên cố.</li> <li>- Vệ sinh chuồng trại chưa đảm bảo.</li> <li>- Đầu ra chưa ổn định, giá cả bấp bênh ảnh hưởng đến thu nhập của người dân</li> <li>- Chăm sóc hạn chế , tiêm phòng chưa đầy đủ, chủ yếu quan tâm đến gia súc.</li> <li>- Nước thải chăn nuôi trực tiếp ra môi trường, chưa có hầm Bioga.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 06 trang trại kiên cố.</li> <li>- Tiêm phòng theo định kỳ, theo hướng dẫn của chi cục thú y.</li> <li>- Các trang trại có đầu ra ổn định , phòng trừ dịch bệnh theo đúng kỹ thuật kiểm tra chặt chẽ.</li> <li>- Giống, thức ăn, thuốc phòng dịch được các Công ty cung cấp cho các trang trại.</li> </ul>
<p>Đánh bắt hải sản: 73 phương tiện . 324 lao động 100 % nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bão, áp thấp nhiệt đới: tàu thuyền bị đắm, chết người.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tàu công suất nhỏ</li> <li>- Trang bị thông tin liên lạc chưa đảm bảo</li> <li>- Nguồn lực của người dân chưa có để đóng tàu lớn đánh bắt xa bờ.</li> <li>- Một số ngư dân còn chủ quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngư dân được tập huấn kỹ thuật đầy đủ</li> <li>- Công tác chuẩn bị vươn khơi đầy đủ</li> </ul>



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Nuôi trồng thủy sản: 101 ha. Nam 80%, Nữ 20%</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rét đậm, rét hại: tôm, cá bị chết hàng loạt, dịch bệnh hoành hành.</li> <li>- Bão kèm theo lụt: bị mất trắng sản lượng, hư hỏng bờ bao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích ngoại đê song Cung: 50,5 ha.</li> <li>- Bờ bao chưa kiên cố (100% là đất)</li> <li>- Chủ yếu là nuôi quảng canh, giống mua trôi nổi trên thị trường.</li> <li>- Chưa có đầu ra cho sản phẩm, giá cả bấp bênh.</li> <li>- Chưa có sự đầu tư vào sản xuất, thức ăn trôi nổi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên được tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Thức ăn được các công ty cung ứng.</li> <li>- Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- 70% hộ có điện lưới</li> <li>- Một số thương lái thu mua với sản lượng lớn.</li> </ul>
<p>Công nghiệp – xây dựng Nam 60%, Nữ 40%</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rét đậm, rét hại, bão lụt diễn ra làm ảnh hưởng đến năng xuất lao động.</li> <li>- Bão lụt dễ xảy ra tai nạn lao động.</li> <li>- Thu nhập không ổn định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sản xuất chưa tập trung, nhỏ lẻ.</li> <li>- Công tác bảo hộ lao động chưa đảm bảo, chưa có bảo hộ lao động.</li> <li>- Trình độ lao động không đồng đều, một số ngành chưa qua đào tạo, chủ yếu qua kinh nghiệm thực tế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng lao động dồi dào, trẻ, khỏe.</li> <li>- Có kinh nghiệm trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp.</li> <li>- Có chủ trương phát triển ngành nghề truyền thống và khu sản xuất tập trung.</li> <li>- Tuyên truyền cho người dân trong quá trình lao động, tránh tai nạn rủi ro trong sản xuất kinh doanh.</li> </ul>
<p>Dịch vụ thương mại: Nam 25% Nữ 75%</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm giảm các mặt hàng truyền thống.</li> <li>- Không có thị trường lưu thông hàng hóa</li> <li>- Làm giảm việc làm tại địa phương.</li> <li>- Không tận dụng hết nguồn lao động tại địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ gia đình kinh doanh nhỏ lẻ.</li> <li>- Các mặt hàng chưa đa dạng phong phú.</li> <li>- Chưa có kinh phí để phát triển ngành nghề truyền thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà nước hỗ trợ vay vốn và thành lập các doanh nghiệp mới</li> <li>- Có sự chỉ đạo của cấp ủy chính quyền</li> <li>- Địa phương có nhiều chính sách mở để kêu gọi đầu tư</li> </ul>

**Phân tích giới xã Hoàng Đông:**

Vai trò của nam giới hay phụ nữ trong việc sản xuất kinh doanh/đảm bảo thu nhập của gia đình	Các khó khăn về công việc sản xuất kinh doanh của phụ nữ và nam giới trong mùa thiên tai	Ảnh hưởng đối với thu nhập của gia đình khi thiên tai xảy ra (theo cách phân chia công việc hiện tại)	Các thay đổi (nếu cần) về công việc để giảm thiểu thiệt hại về thu nhập gia đình	Nhu cầu hỗ trợ từ các tổ chức trong thôn, xã để ít bị ảnh hưởng hoặc có thể khôi phục nhanh sau thiên tai.
Trồng lúa 2 vụ Phụ nữ tham gia 70%. Phụ nữ người bán sản phẩm và phụ nữ là người giữ tiền	- Do quá trình chăm sóc cây lúa mà phụ nữ sẽ bị ảnh hưởng về sức khỏe, bị bệnh về đường hô hấp và nhiều bệnh khác do trực tiếp dùng thuốc bảo vệ thực vật. Phụ nữ bị bệnh xương khớp và thần kinh chiếm tỷ lệ 70% so với nam.	- Khi Bão, lụt, hạn hán làm giảm năng suất, mất mùa không đủ lương thực cho gia đình, nam, nữ phải đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập nam 70%, nữ 30%	- Hỗ trợ giống mới ngắn ngày có năng suất cao Hỗ trợ vốn SX - Khuyến cáo cho nam, nữ về cách chăm sóc phòng trừ sâu bệnh. - Tập huấn kiến thức về phòng trừ sâu bệnh. - Tập huấn kiến thức về trồng trọt cho cả nam và nữ.	- HTX nông nghiệp nâng cao năng lực để quản lý vật tư nông nghiệp, bao tiêu sản phẩm, tìm đầu ra để tăng thu nhập cho các hộ gia đình. - Sau thiên tai hỗ trợ giống cây trồng kịp thời - HTX cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân.
Trồng Hoa màu: Phụ nữ tham gia 70%, Nam 30%	- Chăm sóc trồng hoa màu tốn rất nhiều công sức, cần tỷ mỉ, chịu khó, đa phần thời gian đều phải ở ngoài đồng ruộng không có thời gian nghỉ ngơi cho phụ nữ làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần cho chị em	Bão, Lụt, rét hại gây ảnh hưởng đến năng suất hoa màu có khi mất trắng không có thu nhập phụ nữ bị phụ thuộc chị em phụ nữ phải đi làm thuê hoặc chuyển sang nghề khác	- Chuyển đổi trồng các loại cây ít bị thiệt hại. - Phụ nữ phải đi làm thuê để tăng thu nhập.	- Nâng cao hệ thống kênh mương tưới để phục vụ sản xuất - Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng sản xuất. Tuyên truyền để dân tránh được rủi ro
Chăn nuôi tham gia nam 30%, nữ 70%	- Ảnh hưởng đến sức khỏe của nam, nữ do ô nhiễm môi trường vì chuồng trại chưa đảm, hệ thống nước thải kém, chất thải trực tiếp ra môi trường, hầm bioga ít -Không có bảo hộ lao động cho nam, nữ, ảnh hưởng sức khỏe cho cả nam và nữ	- Thu nhập giảm, nữ đi làm thuê theo thời vụ, làm thuê ở các công ty may ....vv - Giá cả thị trường bấp bênh, không ổn định, dịch bệnh ảnh hưởng kinh tế lên các hộ chăn nuôi giảm đàn và chuyển sang các ngành nghề khác	- Nâng cao hệ thống chuồng trại, hệ thống nước thải - Tuyên truyền phổ biến tiêm phòng theo định kỳ - Hỗ trợ đầu ra - Hỗ trợ thuốc khử trùng, hệ thống tiêu nước thải, con giống phù hợp đối với các hộ chăn nuôi	- Trung tâm khuyến nông huyện, hướng dẫn và khuyến cáo người dân cách phòng chống dịch bệnh theo mùa trong chăn nuôi. - Tạo đầu ra cho chăn nuôi Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho chị em phụ nữ
Nuôi trồng thủy sản; tham gia SX Nam 90%, nữ 10% . nam, nữ cùng quyết định sản phẩm	- Nguy cơ xảy ra tai nạn đối với nam giới là chủ yếu, do có thiên tai nam phải canh giữ đằm. - Thiệt hại kinh tế làm cho phụ nữ ảnh hưởng tinh thần như lo lắng... - Ảnh hưởng sức khỏe nam, nữ do con nuôi chết, sử dụng thuốc BVTV	Nguy cơ mất sản lượng thủy sản, có khi mất hết vốn, nợ ngân hàng. - Mất cơ sở vật chất, trang thiết bị. - Nếu thủy triều dâng cao bị mất diện tích nuôi troogf thủy sản. - Nam chạy vay vay vốn với	- Tạo chế độ chính sách ưu đãi vay vốn lãi xuất thấp để cải tạo lại ao đằm, tái sản xuất. - Tuyên truyền phổ biến tập huấn cho nam nữ trước và sau thiên tai xảy ra phải sơ tán tránh rủi ro	- Định hướng điều chỉnh quy hoạch nuôi trồng thủy sản - Đầu tư nâng cấp cầu cống, nạo vét mương - Tạo đầu ra ổn định cho nuôi trồng thủy sản - Hỗ trợ giống chất lượng

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

		lãi suất cao để tiếp tục đầu tư cho vụ kế tiếp.		
Chăn nuôi, Tham gia Nữ 70%, nam 30%	Ảnh hưởng đến kinh tế, tinh thần cho cả nam và nữ do ô nhiễm môi trường vì chuồng trại chưa đảm bảo vệ sinh, chất thải được các hộ thải trực tiếp ra ngoài môi trường. - Không có các thiết bị bảo hộ lao động trong khi chăn nuôi.	Thu nhập giảm, Nữ phải xin đi làm trong các công ty - Giá cả thị trường bấp bênh, không ổn định.. - Tỷ lệ Các hộ chăn nuôi chuyển sang các ngành nghề khác cao	Cần nâng cao hệ thống chuồng trại, hệ thống nước thải. - Tuyên truyền phổ biến theo định kỳ - Hỗ trợ đầu ra -Hỗ trợ khử trùng hệ thống tiêu nước thải, con giống phải phù hợp với các hộ chăn nuôi	- Trung tâm khuyến nông hướng dẫn, khuyến cáo chi người dân cách phòng chống bệnh theo mùa. - Tạo đầu ra cho các sản phẩm chăn nuôi, tập huấn các kỹ thuật cần thiết trong chăn nuôi.

**Công cụ 4 : Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai xã Hoàng Đông (Ở trên)**

**Công cụ 6 : Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai xã Hoàng Đông**

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
<b>Bão Lụt</b>	-Xây ra nhanh -Khó dự đoán -Không theo quy luật -Cường độ càng ngày càng mạnh	<b>1.An toàn cộng đồng</b> <b>* Vật chất:</b> - 300 hộ ở 3 thôn nguy cơ cao chủ yếu là nhà cấp 4 và thiếu kiên cố với 2000 nhân khẩu sống trong vùng nguy cơ cao - Cụm loa 9/6 độ sản xuất bị hư hỏng hoàn toàn - 2 km đường sơ tán còn lại là đường đất ( thôn Yên hòa đến thôn Kiến Long). - 2,5 km đường bê tông đã xuống cấp - 2/16 km đường điện hạ thế dây trần không đảm bảo, một số cây cột điện không đảm bảo cung ứng điện cho người dân -Trường Tiểu học có 4 phòng học cấp 4 đã xuống cấp không đảm bảo cho việc người dân và học sinh tránh trú bão. - Chưa đầy đủ trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn , các dụng cụ PCTT trong gia đình , trong khu dân cư. -Thiếu phương tiện vận chuyển ( ô tô, Tàu, Thuyền ...) -10 % hộ gia đình không có phương tiện xe máy -5 % hộ chưa có tivi -98% các hộ gia đình không có máy phát điện -97% hộ gia đình không có thiết bị cứu nạn - 80% người dân không biết bơi -Trường tiểu học, THCS có công trình vệ sinh xuống cấp -Trường mầm non, nhà vệ sinh cho giáo viên còn tạm bợ.	<b>1.An toàn cộng đồng</b> <b>* Vật chất:</b> - 35% nhà ở kiên cố và đảm bảo khi có thiên tai xảy ra - 4 trường ( Trường THCS, Trường tiểu học I, Tiểu học II, Trường mầm non đảm bảo kiên cố. Chuẩn bị sẵn sàng để hỗ trợ đón dân sơ tán khi có tình huống xấu xảy ra. -Trụ sở UBND xã kiên cố đảm bảo để nhân dân đến sơ tán tránh trú bão. -Đường giao thông liên xã được cứng hóa -Đường liên thôn 95% đã cứng hóa - 100% hộ gia đình sử dụng điện lưới -Phương tiện: + Xe máy : 75 % hộ gia đình + 95% các hộ gia đình có ti vi, điện thoại - 20 % số dân cư biết bơi - Đa số người dân có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm. 95% số hộ - 2% hộ gia đình có máy phát điện - 3 % các hộ gia đình có thiết bị cứu hộ, cứu nạn. <b>*Tổ chức xã hội:</b> -Các thành viên đã được tập huấn PCTT , có kế	<b>1. An toàn cộng đồng</b> - Nhà ở có nguy cơ tốc mái sập đổ khi có thiên tai. - Tính mạng người dân sống trong vùng nguy cơ cao đe dọa khi có thiên tai - Người dân thiếu thông tin, không kịp thời khi có thiên tai xảy ra. -2 km đường sơ tán cứu nạn , cứu hộ không đảm bảo cho việc di dời của người dân khi có thiên tai - Đội ngũ cứu nạn thiếu phương tiện thiết bị , trang phục thiết bị phục vụ cho

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh từ xã đến thôn còn một số đoạn chưa được nâng cấp, do máy phát sử dụng lâu năm , công suất nhỏ, các cụm loa bị hỏng hoàn toàn.</li> <li>- Đội xung kích thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn</li> <li>-500 m đường liên xã đã xuống cấp .</li> <li><b>*Tổ chức xã hội.</b></li> <li>- Trưởng thôn là thành viên trong ban PCTT của xã chưa được thường xuyên về kỹ năng tìm kiếm cứu nạn.</li> <li>- Đội xung kích mỗi thôn là 10 người, một số thành viên trong đội thường xuyên đi làm ăn xa .</li> <li>- Các tổ chức đoàn thể tại các thôn phối hợp chưa chặt chẽ trong công tác PCTT.</li> <li>- Công tác tuyên truyền triển khai phòng chống bão lũ còn hạn chế .</li> <li>- Người dân được tập huấn kỹ năng phòng chống bão lũ, PCTT, TKCN chưa thường xuyên.</li> <li><b>* Nhận thức kinh nghiệm:</b></li> <li>-Người dân còn thiếu ý thức và chủ quan trong phòng chống thiên tai</li> <li>-15% hộ dân chưa chấp hành lệnh đi sơ tán</li> <li>-Người dân ít được tập huấn tham gia diễn tập phòng chống thiên tai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>hoạch và nhiệm vụ phân công cụ thể cho các tổ chức đoàn thể cùng các cơ sở thôn xóm.</li> <li>- Các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp trong công tác PCTT.</li> <li>- Hàng năm kê hoạch PCTT được xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên.</li> <li>- Ban PCTT có 45 người ( trong đó 35 nam, 10 nữ)</li> <li><b>*Nhận thức kinh nghiệm:</b></li> <li>-Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau khi có hạn nạn</li> <li>-85% hộ dân có ý thức chấp hành lệnh khi sơ tán</li> <li>-100% người dân tự nguyện đóng góp vật tư , vật liệu phòng chống thiên tai khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul>	<p>việc ứng phó khi có thiên tai.</p>
		<p><b>2.Sản xuất, kinh doanh</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương chưa kiên cố dẫn đến chưa đảm bảo trong điều tiết nước cho sản xuất.</li> <li>-Thiếu kinh phí đầu tư</li> <li>-Do chuồng trại đơn sơ, thiếu vốn đầu tư</li> <li>- Nguyên nhân hệ thống nước thải chưa đảm bảo</li> <li>-Do cùng đất trũng , đất nhiễm phèn, tỷ lệ đưa máy móc vào sản xuất còn thấp ( do đồng đất trũng sâu)</li> <li>- Diện tích đất đồng trũng chiếm 124ha</li> <li>-Hệ thống tưới tiêu phụ thuộc vào thủy triều</li> <li>- Chất lượng giống còn kém</li> <li>-Thức ăn chưa chủ động, còn phụ thuộc và không được kiểm soát về chất lượng, phụ thuộc vào nhà đầu tư.</li> <li>- Bờ ao, đầm chưa được kiên cố, con giống, thức ăn, sản phẩm đầu ra không có thị trường ổn định.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung ứng vật tư cho xã viên còn hạn chế</li> <li>- Công tác dự báo, dự thính chưa kịp thời.</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Xây dựng nhà xưởng theo đúng tiêu chuẩn khép kín.</li> <li>- Hệ thống xử lý nước thải có hệ thống đúng tiêu chuẩn</li> <li>-Về chăn nuôi có vùng quy hoạch có mô hình trang trại tập trung.</li> <li>-Về nuôi trồng thủy sản có 70 hộ nuôi trồng thủy sản diện tích 105 ha.</li> <li>- HTX cung ứng vật tư về vật tư sản xuất, chăn nuôi hộ gia đình</li> <li>- Đã có hệ thống cầu cống tưới tiêu phục vụ sản xuất.</li> <li>- Đã có 20 % đường bê tông nội đồng</li> <li>- Tận dụng nguồn lực sẵn có tại địa phương.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HTX đã xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư cho người dân.</li> <li>- Hàng vụ HTX đã tổ chức tập huấn cho xã viên kỹ thuật trồng lúa, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Ngành trồng trọt có nguy cơ mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai.</li> <li>- Ngành chăn nuôi có nguy cơ bị thiệt hại , giảm thu nhập khi có thiên tai.</li> <li>-Ngành nuôi trồng thủy sản có nguy cơ ngập lụt, mất sản lượng khi có thiên tai, lũ lụt.</li> <li>- Các ngành nghề khác của xã bị ảnh hưởng lớn khi bị thiên tai.</li> </ul>

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HTX chưa bao tiêu được 100% sản phẩm cho nông dân</li> <li>- Chưa kiểm soát được nguồn gốc và chất lượng thuốc BVTV</li> <li>- Hệ thống máy cày bừa còn ít</li> <li>- Nạo vét mương chưa thường xuyên.</li> <li>-Vốn ưu đãi đầu tư mua máy móc phụ vụ sản xuất còn hạn chế.</li> <li>- Kinh phí tập huấn kỹ thuật cho các ngành nghề sản xuất kinh doanh còn hạn chế.</li> <li>- Nguồn cung ứng con giống chưa đảm bảo.</li> <li><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></li> <li>- Người dân chủ quan không che chắn cho mạ đủ ẩm</li> <li>Thiếu cập nhật kiến thức chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Người dân còn chủ quan chưa phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi đúng định kỳ, vệ sinh chuồng trại ao đầm còn kém.</li> <li>- Phân bón chưa cân đối, sử dụng phân vô cơ nhiều. Sử dụng thuốc BVTV chưa đúng quy trình.</li> <li>- Người dân còn thiếu kiến thức về BĐKH</li> <li>-Nhận thức huyện đổi giống cây trồng và vật nuôi để thích ứng thời tiết còn hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao tiêu sản phẩm cho nhân dân.</li> <li>- HTX xây dựng kế hoạch cày bừa, BVTV, thủy lợi nội đồng, điều tiết tưới tiêu cho nhân dân.</li> <li>- Tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận với nguồn vốn đầu tư cho sản xuất – kinh doanh.</li> <li>- Hàng năm tổ chức tiêm phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo mùa vụ.</li> <li><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></li> <li>- Lựa chọn cây và con giống mới phù hợp.</li> <li>Đẩy sớm thời vụ (chiêm) tránh bão đầu mùa</li> <li>- Có giống lúa dự phòng</li> <li>- Xây dựng chuồng trại theo mô hình chăn nuôi ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Học hỏi kinh nghiệm, chọn giống vật nuôi, giống con nuôi rõ nguồn gốc, địa chỉ</li> <li>- Thường xuyên nghe dự báo thời tiết tăng cường lượng phân hữu cơ, sử dụng thuốc BVTV theo đúng quy trình hướng dẫn.</li> <li>- Thường xuyên theo dõi dịch bệnh để phòng trừ</li> <li>- Kinh nghiệm trồng lúa truyền thống, được tập huấn chuyên giao KHKT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất nhà trường, các công trình xây dựng bị ảnh hưởng nặng nề.</li> <li>- Hệ thống kênh mương, ao đầm bị sạt lở.</li> <li>- Quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia lao động bị ngừng chệ.</li> <li>- Hệ thống đường giao thông bị hư hỏng.</li> <li>- Chuồng trại chăn nuôi bị hư hỏng tốc mái.</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản làm con nuôi chết, ô nhiễm nguồn nước</li> </ul>
	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có nơi tập kết, thu gom rác thải cho 5 thôn, hợp đồng với công ty vận chuyển đi xử lý rác .</li> <li>- 10% hộ gia đình chưa có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, người dân chưa nhiệt tình tham gia ở các buổi tư vấn.</li> <li>- Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định.</li> <li>- Chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm trong lĩnh vực ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Chưa có thùng rác nơi công cộng</li> <li>- Một số bà mẹ đang trong độ tuổi sinh sản và nuôi con nhỏ chưa có ý thức tiêm chủng đầy đủ theo quy định</li> <li>- Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân thiếu hiểu biết về sức khỏe VSMT</li> </ul>	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Đã có bãi thu gom rác thải</li> <li>- Đã hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác thải một tuần 3 lần.</li> <li>-100% người dân sử dụng nước hợp vệ sinh.</li> <li>- 90% hộ gia đình có công trình vệ sinh đảm bảo</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có công ty VSMT thu gom rác thải 02 lần/tuần vào thứ 2, thứ 3 và vận chuyển vào ngày thứ 6, thứ 7 hàng tuần.</li> <li>- Các tổ chức, đoàn thể như: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường 01 lần/tuần</li> <li>- Hội Chữ thập đỏ thường xuyên truyền truyền phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân</li> </ul>	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau thiên tai, bão lụt thường xuyên xảy ra các dịch bệnh như: tiêu chảy, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ</li> <li>- Vấn đề môi trường bị ô nhiễm. Đặc biệt là môi trường nước</li> </ul>

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và không mua thuốc theo đơn của bác sĩ.</li> <li>- Chưa quan tâm đến hạn sử dụng của lương thực, thực phẩm</li> <li>- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định, chưa có phòng hộ đảm bảo.</li> <li>- Chủ quan trong việc chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường .</li> <li>- Chưa có ý thức trong việc thu gom rác thải, còn thải rác bừa bãi ra môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế: Tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi khám sức khỏe định kỳ, tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng.</li> <li><b>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></li> <li>- Có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe sau thiên tai</li> <li>- Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường</li> <li>- Có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc trong mùa mưa bão</li> <li>-85% người dân có thẻ BHYT</li> </ul>	
<b>Rét hại</b>	Xu hướng ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp, kéo dài, xảy ra nhiều	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo chống rét cho gia súc, gia cầm(5.967 con gia cầm, 1.492 con gia súc)</li> <li>- Một số hộ nhà ở chưa đảm bảo chống rét</li> <li>- Tỷ lệ người già, trẻ em khi có rét kéo dài thì dễ bị mắc các bệnh về đường hô hấp còn ở mức cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% diện tích mạ được che phủ nilon khi xảy ra rét đậm, rét hại và sương muối</li> <li>- Một số hộ đã biết che chắn chuồng trại khi có rét</li> <li>- Đã tiêm phòng định kỳ 1 năm 2 lần cho đàn gia súc, gia cầm</li> <li>- Không thả rông gia súc</li> <li>- Trang bị chống rét cá nhân đã đảm bảo</li> <li>- Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em</li> <li>- 85% có BHYT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh</li> <li>- Mạ chết, lúa và hoa màu giảm năng suất</li> <li>- Thủy sản giảm năng suất, thu nhập thấp</li> <li>- Nguy cơ các bệnh về đường hô hấp của người già và trẻ em</li> </ul>

**Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân) xã Hoàng Đông**

Biểu hiện của BDKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	C Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BDKH gây ra	Giải pháp(*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)
- Nhiệt độ tăng	-Nắng gắt kéo dài, kèm theo gió Lào, thời gian mỗi đợt từ 10-15 ngày Nhiệt độ cao điểm 40- 41 °c	5/5 thôn, đặc biệt là thôn Phú Xuân, Lê Lợi, phía Tây Sông Cung.	*SX -Nông nghiệp -Thủy sản - chăn nuôi * SK VSMT - Sức khỏe - Ô nhiễm môi trường	-Lúa chết do thiếu nước. -Tôm cá chết do nhiệt độ nước tăng cao và thiếu nước Gia súc gia cầm chết, dịch bệnh Nguy cơ dịch bệnh nhiễm sang người	- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương bờ ao đầm để đảm bảo nước tưới tiêu. - Vệ sinh môi trường, kiểm tra thăm sóc sức khỏe định kỳ	- Giảm sử dụng phân bón hóa học trong trồng lúa, hoa màu - Hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV khi không cần thiết - Trồng cây xanh ven đường và trồng vẹt ven Sông

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

- Lượng mưa tăng vào mùa hè, giảm mùa đông xuân	- Ngập lụt kéo dài - Ngập úng tại vùng trũng, sâu	Toàn xã	- mất trắng và giảm năng suất - lúa, thủy sản, chăn nuôi Hoa màu ,tài sản của các hộ gia đình	- Cây lúa mất trắng - Gia súc chết dịch bệnh - Ô nhiễm môi trường - Công trình thủy lợi sạt lở, hư hỏng nặng	- Kiên cố hệ thống kênh mương, chuồng trại - Tập huấn , chuyên giao KHKT -Từng bước xây dựng hệ thống tưới tiêu chủ động	- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước, chất đốt - Xây dựng bình Biogas
- Nước biển dâng	- Nước mặn xâm nhập - Ngập úng vùng trũng thấp	03/5 thôn - Phú Xuân - Lê Giang - Lê Lợi	- Nuôi trồng thủy sản -Lúa, hoa màu, chăn nuôi bị ảnh hưởng, phát triển chậm	-Thủy sản mất trắng. -Làm mất mùa; năng suất lúa, hoa màu giảm - Gia súc, gia cầm bị chết, - Nguồn nước sinh hoạt bị xâm nhập mặn	- Kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu chủ động - Gia cố Đê điều. - Đầu tư xây dựng các trạm bơm nước - Xây dựng hệ thống kênh mương, thoát nước trong các khu dân cư.	- Sử dụng tỷ lệ thuốc BCTV đúng cách, đúng liều lượng. - Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải - Trồng cây ven Đê, vùng ven đê.
- Bão gia tăng không theo quy luật	- Tàn phá mạnh, mưa nhiều gây ngập úng  Gió mạnh hơn, cấp 13 , siêu bão	Toàn xã	-Nông nghiệp, thủy sản , tiểu thủ công nghiệp,  Mất tài sản, chết người, chết gia súc gia cầm	- Lúa, hoa màu chết do ngập úng -Tôm cá chết do ngập úng, mặn xâm nhập. - Gia súc gia cầm bị chết, dịch bệnh - Gây ô nhiễm môi trường	-Kiên cố hóa hệ thống kênh mương tuwois tiêu. -Kiên cố hóa bờ ao đầm, tạo hệ thống cầu công thoát nước -Hỗ trợ nhà xưởng, máy sấy cho sản phẩm -Trồng bổ xung rừng mới - Hỗ trợ xây dựng nhà	- Giảm tỉ lệ sử dụng thuốc BVTV -Nuôi trồng theo VietGap -Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải -Trồng rừng ngập mặn

**Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Hoàng Đông**

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		Cụm thôn 1 và cụm thôn 2		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam nữ		Tổng phiếu toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (5)	Nữ (10)	Nam (4)	Nữ (26)	Nam (4)	Nữ (26)	Nam (61)	Nữ (44)		
Nguy cơ người chết, bị thương khi có thiên tai , BDKH xảy ra	3	5	2	4	1	6	6	15	21	13

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

Nguy cơ nhà ở bị tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai/BĐKH xảy ra	8	21	7	11	3	20	18	52	70	8
11 km dây điện 3 pha, hệ thống cột điện và hệ thống đường dây sau công tơ xuống cấp, không đảm bảo dự báo, cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH xảy ra.	3	9	7	42	7	43	17	94	111	3
3,6km đường giao thông; 4,6km đường ra đê Sông Cung bị sạt lở, lầy lội khi có thiên tai/BĐKH xảy ra	3	7	1	54	7	18	11	79	90	5
3,0km kênh mương và 3 cống qua Đê bị sạt lở, ách tắc khi có thiên tai, BĐKH xảy ra	6	9	7	35	2	31	15	78	93	4
Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai, BĐKH xảy ra	2	11	2	16	3	28	7	55	62	9
Gia súc,gia cầm bị chết. Dịch bệnh khi có thiên tai, BĐKH xảy ra	3	3	1	10	1	15	5	28	33	11
190 ha diện tích lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai BĐKH xảy ra	9	12	5	61	4	47	18	120	138	1
101 ha nuôi trồng thủy sản giảm năng suất, mất trắng sản lượng khi có thiên tai/BĐKH xảy ra	6	10	7	25	2	22	15	57	72	7
Nguy cơ vỡ Đê khi có bão cấp 11 trở lên.	2	4	3	13	7	13	12	30	42	10
04 nhà văn hóa thôn (Lê Giang, Lê Lôi, Đông Tân, Phú Xuân) bị tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai, BĐKH xảy ra	2	8	2	16	3	53	7	77	84	6
Hệ thống tuyến thanh xuống cấp, hư hỏng, không đảm bảo TTLĐBCB khi có thiên tai./BĐKH xảy ra. Chưa có các biển cảnh báo ở vùng nguy hiểm	12	17	4	38	5	40	21	95	116	2
Trang thiết bị CHCN bị hư hỏng không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ khi có thiên tai, BĐKH xảy ra	6	12	5	11	7	2	18	15	33	12
<b>Tổng cộng</b>	<b>65</b>	<b>130</b>	<b>52</b>	<b>338</b>	<b>52</b>	<b>338</b>	<b>170</b>	<b>795</b>	<b>965</b>	

**Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng





## Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai <sup>2</sup>

### ***Khái niệm***

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

---

<sup>2</sup>Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

## Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

### A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

### B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



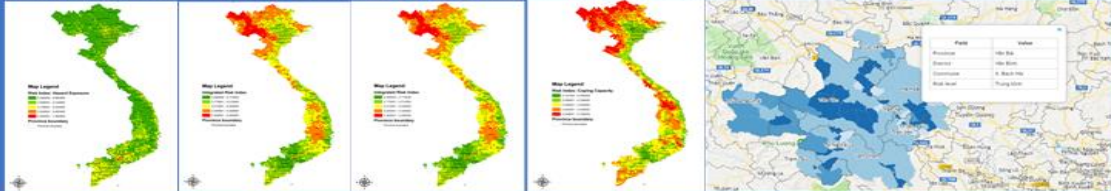
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

### C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

### D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



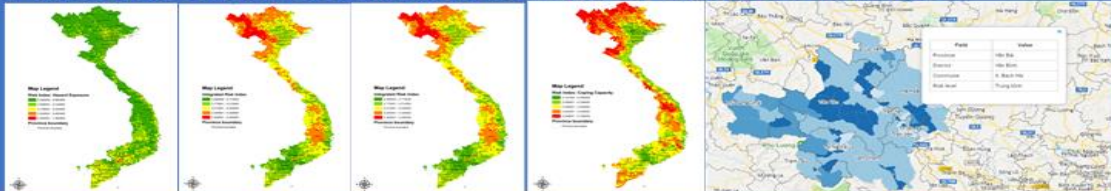
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

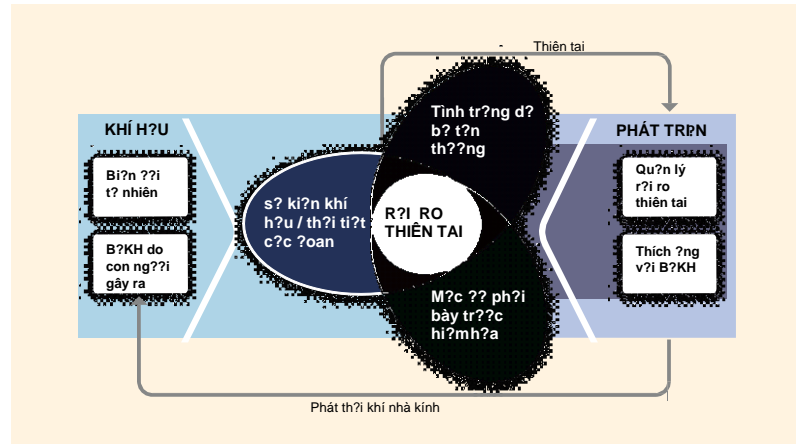
Việc đánh giá rủi ro thiên tai<sup>3</sup> bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

- nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau<sup>4</sup> ;

<sup>3</sup>Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

<sup>4</sup>Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp<sup>5</sup>. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

### Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

**Đánh giá Thiên tai** <sup>6</sup>: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, một bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chủ ngữ của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

<sup>5</sup>Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp số tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai ([http://www.preventionweb.net/files/47136\\_workingtextonterminology.pdf](http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf)). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

<sup>6</sup>Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

**Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure):** nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

**Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability):** là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

**Đánh giá Năng lực (Capacity):** là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng



tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

**Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk)** là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khác phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân đến năm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề địa phương.